|  |  |
| --- | --- |
| **CHÍNH PHỦ** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
|  |  |
| Số: /2025/NĐ-CP | *Hà Nội, ngày tháng năm 2025* |

**Dự thảo**

**14.08.2025**

**NGHỊ ĐỊNH**

**Quy định về cấp phép thành lập và hoạt động ngân hàng, quản lý ngoại hối, phòng chống rửa tiền, chống tài trợ khủng bổ, chống tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt tại Trung tâm tài chính quốc tế tại Việt Nam**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 18 tháng 2 năm 2025;*

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 06 năm 2025;*

*Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ngày 16 tháng 6 năm 2010;*

*Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng ngày 18 tháng 01 năm 2024;*

*Căn cứ Luật Phòng, chống rửa tiền ngày 15 tháng 11 năm 2022;*

*Căn cứ Luật Phòng, chống khủng bố ngày 12 tháng 6 năm 2013;*

*Căn cứ Nghị quyết số 222/2025/QH15 ngày 27 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội về Trung tâm tài chính quốc tế tại Việt Nam;*

*Theo đề nghị của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;*

*Chính phủ ban hành Nghị định quy định về cấp phép thành lập và hoạt động ngân hàng, quản lý ngoại hối và phòng, chống rửa tiền, tài trợ khủng bố, tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt tại Trung tâm tài chính quốc tế tại Việt Nam.*

# **Chương I**

# **QUY ĐỊNH CHUNG**

### Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định các nội dung sau:

1. Việc thành lập, tổ chức, hoạt động của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại Trung tâm tài chính quốc tế tại Việt Nam (sau đây gọi là Trung tâm tài chính).

2. Phòng, chống rửa tiền, tài trợ khủng bố, tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt tại Trung tâm tài chính.

3. Quản lý ngoại hối tại Trung tâm tài chính.

4. Quy trình phối hợp giữa Ngân hàng Nhà nước và các cơ quan liên quan trong việc thanh tra, kiểm tra, giám sát và xử lý rủi ro tại Trung tâm tài chính.

### Điều 2. Đối tượng áp dụng

Nghị định này áp dụng đối với:

1. Nhà đầu tư bao gồm:

a) Ngân hàng nước ngoài; ngân hàng thương mại trong nước theo quy định tại khoản 4 Điều 10 Nghị quyết số 222/2025/QH15 về Trung tâm tài chính;

b) Nhà đầu tư nước ngoài theo quy định của Chính phủ về hoạt động đầu tư vào Trung tâm tài chính.

c) Nhà đầu tư trong nước là tổ chức trừ quy định tại điểm a khoản này.

2. Thành viên Trung tâm tài chính (sau đây gọi là thành viên) bao gồm:

a) Hiện diện của nhà đầu tư tại điểm a khoản 1 Điều này bao gồm:

(i) Ngân hàng thương mại trách nhiệm hữu hạn một thành viên 100% vốn nước ngoài (sau đây gọi là ngân hàng thương mại 100% vốn nước ngoài);

(ii) Ngân hàng thương mại trách nhiệm hữu hạn một thành viên 100% vốn trong nước (sau đây gọi là ngân hàng thương mại 100% vốn trong nước);

(iii) Chi nhánh ngân hàng nước ngoài;

b) Hiện diện của nhà đầu tư tại điểm b, điểm c khoản 1 Điều này.

3. Bên đi vay trong nước là người cư trú theo quy định tại khoản 28 Điều 4 Nghị định này.

4. Các đối tượng báo cáo theo quy định tại Điều 4 Luật Phòng, chống rửa tiền (sau đây gọi là đối tượng báo cáo tại Trung tâm tài chính) tuân thủ quy định tại Chương X Nghị định này về phòng, chống rửa tiền, tài trợ khủng bố, tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt.

5. Cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

### Điều 3. Áp dụng tập quán thương mại

Tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động ngân hàng được quyền thỏa thuận áp dụng tập quán thương mại sau đây:

1. Tập quán thương mại quốc tế do Phòng Thương mại quốc tế ban hành.

2. Tập quán thương mại khác không trái với nguyên tắc cơ bản của pháp luật của Việt Nam.

### Điều 4. Giải thích từ ngữ

Trong Nghị định này, những từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Bao thanh toán* là hình thức cấp tín dụng thông qua việc mua lại khoản phải thu của bên bán hoặc ứng trước tiền thanh toán thay cho bên mua theo hợp đồng mua, bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ giữa bên mua và bên bán.

2. *Bảo lãnh ngân hàng* là hình thức cấp tín dụng cho khách hàng thông qua việc ngân hàng thương mại là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên cam kết với bên nhận bảo lãnh về việc sẽ thực hiện nghĩa vụ tài chính thay cho bên có nghĩa vụ khi bên có nghĩa vụ không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ đã cam kết; khách hàng phải nhận nợ bắt buộc và hoàn trả cho ngân hàng thương mại là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên theo thỏa thuận.

3. *Cấp tín dụng* là việc thỏa thuận để tổ chức, cá nhân sử dụng một khoản tiền hoặc cam kết cho phép sử dụng một khoản tiền theo nguyên tắc có hoàn trả bằng nghiệp vụ cho vay, chiết khấu, bao thanh toán, bảo lãnh ngân hàng, thư tín dụng.

4. *Chi nhánh ngân hàng nước ngoài trên lãnh thổ Việt Nam không là thành viên (sau đây gọi là chi nhánh ngân hàng nước ngoài không là thành viên)* là tổ chức kinh tế được thành lập, tổ chức và hoạt động theo quy định của Luật Các tổ chức tín dụng.

5. *Chi nhánh ngân hàng nước ngoài* *là thành viên* là tổ chức kinh tế không có tư cách pháp nhân được thành lập, tổ chức và hoạt động theo quy định tại Nghị quyết về Trung tâm tài chính và Nghị định này. Chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên là đơn vị phụ thuộc của ngân hàng nước ngoài, được ngân hàng nước ngoài bảo đảm chịu trách nhiệm về mọi nghĩa vụ, cam kết của chi nhánh tại Trung tâm tài chính.

6. *Chiết khấu* là hình thức cấp tín dụng thông qua việc mua có kỳ hạn hoặc mua có bảo lưu quyền truy đòi các công cụ chuyển nhượng, giấy tờ có giá khác của bên thụ hưởng trước khi đến hạn thanh toán.

7. *Cho vay* là hình thức cấp tín dụng thông qua việc bên cho vay giao hoặc cam kết giao cho khách hàng một khoản tiền để sử dụng vào mục đích xác định, trong một thời gian nhất định, theo nguyên tắc có hoàn trả đầy đủ tiền gốc, lãi theo thỏa thuận cho bên cho vay.

8. *Cung ứng dịch vụ thanh toán qua tài khoản* là việc cung ứng phương tiện thanh toán; thực hiện dịch vụ thanh toán séc, lệnh chi, ủy nhiệm chi, nhờ thu, ủy nhiệm thu, thẻ ngân hàng, dịch vụ thanh toán khác cho khách hàng thông qua tài khoản thanh toán của khách hàng.

9. *Giấy phép* bao gồm Giấy phép thành lập và hoạt động của ngân hàng thương mại là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên do cơ quan có thẩm quyền cấp và Văn bản của cơ quan có thẩm quyền về sửa đổi, bổ sung Giấy phép là một bộ phận không tách rời của Giấy phép.

10. *Hoạt động ngân hàng* là việc kinh doanh, cung ứng thường xuyên một hoặc một số nghiệp vụ sau đây:

a) Nhận tiền gửi;

b) Cấp tín dụng;

c) Cung ứng dịch vụ thanh toán qua tài khoản.

11. *Môi giới tiền tệ* là việc làm trung gian có thu phí môi giới để thu xếp thực hiện hoạt động ngân hàng và hoạt động kinh doanh khác theo quy định của Nghị định này giữa các ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

12. *Ngân hàng thương mại* *trên lãnh thổ Việt Nam không là thành viên (sau đây gọi là ngân hàng thương mại không là thành viên)* là loại hình ngân hàng được thành lập, tổ chức và hoạt động theo quy định của Luật Các tổ chức tín dụng.

13. *Ngân hàng thương mại là thành viên* là tổ chức kinh tế có tư cách pháp nhân được thành lập, tổ chức và hoạt động theo quy định tại Nghị quyết về Trung tâm tài chính và Nghị định này nhằm mục tiêu lợi nhuận. Ngân hàng thương mại là thành viên bao gồm ngân hàng thương mại 100% vốn trong nước và ngân hàng thương mại 100% vốn nước ngoài.

14. *Người có liên quan* được xác định như sau:

a) Ngân hàng thương mại 100% vốn trong nước xác định người có liên quan theo quy định tại Luật Các tổ chức tín dụng;

b) Ngân hàng thương mại 100% vốn nước ngoài, chi nhánh ngân hàng nước ngoài có chủ sở hữu, ngân hàng mẹ áp dụng Chuẩn mực quốc tế về kế toán (IAS/IFRS) do Ủy ban Chuẩn mực kế toán quốc tế ban hành hoặc Các nguyên tắc kế toán được chấp nhận chung quy định tại điểm e khoản 1 Điều 11 Nghị quyết về việc thành lập trung tâm tài chính (sau đây gọi là chuẩn mực quốc tế về kế toán) xác định người có liên quan theo quy định của chủ sở hữu, ngân hàng mẹ đang áp dụng;

c) Ngân hàng thương mại 100% vốn nước ngoài, chi nhánh ngân hàng nước ngoài có chủ sở hữu, ngân hàng mẹ không áp dụng chuẩn mực quốc tế về kế toán được xác định người có liên quan theo quy định tại Luật Các tổ chức tín dụng.

15. *Người điều hành ngân hàng thương mại* *là thành viên* bao gồm Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó giám đốc), Kế toán trưởng và các chức danh tương đương theo quy định tại Điều lệ của ngân hàng thương mại là thành viên.

16. *Người quản lý ngân hàng thương mại* *là thành viên* bao gồm Chủ tịch, thành viên khác của Hội đồng thành viên; Tổng giám đốc (Giám đốc) và các chức danh quản lý khác theo quy định tại Điều lệ của ngân hàng thương mại là thành viên.

17. *Nhận tiền gửi* là hoạt động nhận tiền của tổ chức, cá nhân dưới hình thức tiền gửi không kỳ hạn, tiền gửi có kỳ hạn theo nguyên tắc có hoàn trả trên cơ sở thỏa thuận cho tổ chức, cá nhân gửi tiền (sau đây gọi là người gửi tiền).

18. *Sản phẩm phái sinh* là công cụ tài chính được định giá theo biến động dự kiến về giá trị của một tài sản tài chính gốc như lãi suất, ngoại hối, tiền tệ.

19. *Tài khoản thanh toán* là tài khoản tiền gửi không kỳ hạn của khách hàng mở tại ngân hàng thương mại là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên để sử dụng dịch vụ thanh toán do ngân hàng thương mại là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên cung ứng.

20. *Thư tín dụng* là hình thức cấp tín dụng thông qua nghiệp vụ phát hành, xác nhận, thương lượng thanh toán, hoàn trả thư tín dụng.

21*. Tổ chức tín dụng trên lãnh thổ Việt Nam không là thành viên (sau đây gọi là tổ chức tín dụng không là thành viên)* là tổ chức tín dụng được thành lập và hoạt động theo quy định của Luật Các tổ chức tín dụng.

22. *Tổ chức tín dụng nước ngoài* là tổ chức tín dụng được thành lập ở nước ngoài theo quy định của pháp luật nước ngoài.

23. *Vốn điều lệ* là tổng số tiền do chủ sở hữu đã góp cho ngân hàng thương mại là thành viên *hoặc là tổng số tiền do ngân hàng mẹ đã cấp cho chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên.*

24. *Vốn pháp định* là mức vốn tối thiểu phải có theo quy định của pháp luật hiện hành để thành lập ngân hàng thương mại là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên.

25. *Vốn tự có* gồm giá trị thực của vốn điều lệ của ngân hàng thương mại 100% vốn trong nước cộng một số quỹ dự trữ, cộng một số tài sản nợ khác, trừ các khoản phải giảm trừ. Việc xác định vốn tự có thực hiện theo quy định hiện hành của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quy định tỷ lệ an toàn vốn đối với ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

26. Đầu tư trực tiếp từ Trung tâm tài chính ra nước ngoài của thành viên là việc chuyển vốn ra nước ngoài để đầu tư dưới các hình thức: Thành lập tổ chức kinh tế theo quy định của pháp luật nước tiếp nhận đầu tư; Mua lại một phần hoặc toàn bộ vốn điều lệ của tổ chức kinh tế ở nước ngoài để tham gia quản lý và thực hiện hoạt động đầu tư kinh doanh tại nước ngoài.

27. Đầu tư gián tiếp từ Trung tâm tài chính ra nước ngoài của Thành viên là việc chuyển vốn ra nước ngoài để đầu tư dưới hình thức mua, bán chứng khoán, các giấy tờ có giá khác phát hành bằng ngoại tệ ở nước ngoài hoặc đầu tư thông qua các quỹ đầu tư chứng khoán, các định chế tài chính trung gian khác ở nước ngoài.

28. Bên đi vay trong nước là tổ chức trên lãnh thổ Việt Nam không phải Thành viên bao gồm doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổ chức tín dụng và chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập, hoạt động kinh doanh tại Việt Nam có giao dịch vay từ thành viên Trung tâm tài chính quốc tế.

### Điều 5. Sử dụng từ ngữ liên quan đến hoạt động ngân hàng

Thành viên không phải là ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài không được phép sử dụng cụm từ “ngân hàng”, “tổ chức tín dụng” hoặc cụm từ, từ ngữ khác trong tên của tổ chức, chức danh hoặc trong phần phụ thêm của tên, chức danh hoặc trong giấy tờ giao dịch hoặc quảng cáo của mình nếu việc sử dụng cụm từ, từ ngữ đó có thể gây nhầm lẫn cho khách hàng về việc tổ chức đó là một ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

### Điều 6. Số lượng hiện diện của nhà đầu tư

Nhà đầu tư theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 2 Nghị định này chỉ được thành lập 01 hiện diện tại Trung tâm tài chính theo một trong các hình thức quy định tại khoản 1 Điều 17 Nghị quyết về Trung tâm tài chính quốc tế tại Việt Nam.

### Điều 7. Quyền tự chủ trong hoạt động kinh doanh

1. Ngân hàng thương mại là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên có quyền tự chủ trong hoạt động kinh doanh và tự chịu trách nhiệm về kết quả hoạt động kinh doanh của mình.

2. Ngân hàng thương mại là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên có quyền từ chối yêu cầu cấp tín dụng, cung ứng các dịch vụ khác nếu thấy không đủ điều kiện, không có hiệu quả, không phù hợp với quy định của pháp luật.

### Điều 8. Quyền hoạt động ngân hàng

Tổ chức có đủ điều kiện theo quy định của Nghị định này và quy định khác của pháp luật có liên quan được cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy phép thì được thực hiện một hoặc một số hoạt động ngân hàng theo quy định của Nghị định này.

### Điều 9. Hợp tác và cạnh tranh trong hoạt động ngân hàng

Ngân hàng thương mại là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên được hợp tác và cạnh tranh trong hoạt động ngân hàng và hoạt động kinh doanh khác theo quy định của Nghị định này và quy định khác của pháp luật có liên quan.

### Điều 10. Trách nhiệm của ngân hàng thương mại là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên trong việc bảo vệ quyền lợi của khách hàng

1. Không tham gia bảo hiểm tiền gửi theo quy định của pháp luật hiện hành về bảo hiểm tiền gửi.

2. Tạo thuận lợi cho khách hàng gửi và rút tiền, bảo đảm thanh toán đủ, đúng hạn tiền gốc, lãi của khoản tiền gửi theo thỏa thuận phù hợp với quy định của pháp luật.

3. Từ chối việc điều tra, phong tỏa, cầm giữ, trích chuyển tiền gửi của khách hàng, trừ trường hợp có yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của luật hoặc được sự chấp thuận của khách hàng.

4. Công bố công khai lãi suất tiền gửi, phí dịch vụ, quyền, nghĩa vụ của khách hàng đối với từng loại sản phẩm, dịch vụ đang cung ứng.

5. Công bố công khai thời gian giao dịch chính thức. Trường hợp ngừng giao dịch tại trụ sở chính trong thời gian giao dịch chính thức hoặc ngừng giao dịch bằng phương tiện điện tử, chậm nhất là 24 giờ trước thời điểm ngừng giao dịch, ngân hàng thương mại là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên phải niêm yết thông tin về ngừng giao dịch tại trụ sở chính hoặc trên trang thông tin điện tử của ngân hàng thương mại là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên.

Trường hợp ngừng giao dịch do sự kiện bất khả kháng, chậm nhất là 24 giờ sau thời điểm ngừng giao dịch, ngân hàng thương mại là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên phải niêm yết thông tin về ngừng giao dịch tại trụ sở chính hoặc trên trang thông tin điện tử của ngân hàng thương mại là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên..

### Điều 11. Người đại diện theo pháp luật của ngân hàng thương mại là thành viên

1. Người đại diện theo pháp luật của ngân hàng thương mại là thành viên được quy định tại Điều lệ và phải là Chủ tịch Hội đồng thành viên hoặc Tổng giám đốc (Giám đốc). Trường hợp Điều lệ không quy định thì Chủ tịch Hội đồng thành viên là người đại diện theo pháp luật.

2. Người đại diện theo pháp luật của ngân hàng thương mại là thành viên phải cư trú tại Việt Nam, trường hợp vắng mặt ở Việt Nam phải ủy quyền bằng văn bản cho người khác là người quản lý, người điều hành ngân hàng thương mại là thành viên đang cư trú tại Việt Nam để thực hiện quyền, nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật của ngân hàng thương mại là thành viên.

3. Ngân hàng thương mại là thành viên phải thông báo cho Cơ quan giám sát Trung tâm tài chính quốc tế (sau đây gọi là Cơ quan giám sát)/Ngân hàng Nhà nước về người đại diện theo pháp luật của ngân hàng thương mại là thành viên trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày bổ nhiệm chức danh đảm nhiệm người đại diện theo pháp luật theo quy định tại Điều lệ của ngân hàng thương mại là thành viên hoặc thay đổi người đại diện theo pháp luật. Cơ quan giám sát/Ngân hàng Nhà nước thông báo người đại diện theo pháp luật của ngân hàng thương mại là thành viên cho Cơ quan điều hành Trung tâm tài chính quốc tế (sau đây gọi là Cơ quan điều hành) để cập nhật vào Hệ thống đăng ký và công nhận thành viên quy định tại khoản 8 Điều 10 Nghị quyết về Trung tâm tài chính.

### Điều 12. Cung cấp thông tin

1. Ngân hàng thương mại là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên cung cấp cho chủ tài khoản thông tin về giao dịch và số dư trên tài khoản của chủ tài khoản theo thỏa thuận với chủ tài khoản.

2. Ngân hàng thương mại là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên có trách nhiệm báo cáo Ngân hàng Nhà nước thông tin liên quan đến khách hàng trong hoạt động cấp tín dụng và được Ngân hàng Nhà nước cung cấp thông tin của khách hàng có quan hệ tín dụng với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài trong nước và ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên của Trung tâm Tài chính quốc tế theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước.

3. Ngân hàng thương mại là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên được trao đổi với nhau thông tin về hoạt động của ngân hàng thương mại là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên.

4. Khi thực hiện giao dịch với ngân hàng thương mại là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên, khách hàng có trách nhiệm cung cấp thông tin, tài liệu, dữ liệu trung thực, chính xác, đầy đủ, kịp thời và phải chịu trách nhiệm về việc cung cấp thông tin, tài liệu, dữ liệu đó.

5. Ngân hàng thương mại là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên ban hành các quy định nội bộ, bảo đảm cung cấp đầy đủ thông tin cho khách hàng, hướng dẫn, khuyến cáo để khách hàng nhận thức và tự chịu trách nhiệm đối với các rủi ro có thể phát sinh liên quan đến khả năng chi trả của ngân hàng thương mại là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên đối với khoản tiền gửi của khách hàng tại ngân hàng thương mại là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên trong toàn bộ thời hạn gửi tiền.

### Điều 13. Bảo mật thông tin

1. Người quản lý, người điều hành, nhân viên của ngân hàng thương mại là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên không được tiết lộ thông tin khách hàng, bí mật kinh doanh của ngân hàng thương mại là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên.

2. Ngân hàng thương mại là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên phải bảo đảm bí mật thông tin khách hàng của ngân hàng thương mại là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên theo quy định hiện hành về việc giữ bí mật, cung cấp thông tin khách hàng của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài không phải thành viên.

3. Ngân hàng thương mại là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên không được cung cấp thông tin khách hàng của ngân hàng thương mại là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên cho tổ chức, cá nhân khác, trừ trường hợp có yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của luật hoặc được sự chấp thuận của khách hàng.

### Điều 14. An toàn dữ liệu và bảo đảm hoạt động liên tục

Ngân hàng thương mại là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên phải bảo đảm an toàn hệ thống thông tin, bảo mật dữ liệu và hoạt động liên tục theo quy định hiện hành của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước và quy định khác của pháp luật có liên quan áp dụng đối với ngân hàng thương mại không là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài không là thành viên.

### Điều 15. Hành vi bị nghiêm cấm

1. Ngân hàng thương mại là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên thực hiện hoạt động ngân hàng, hoạt động kinh doanh khác ngoài hoạt động ghi trong Giấy phép được cơ quan có thẩm quyền cấp cho ngân hàng thương mại là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên.

2. Tổ chức, cá nhân không phải là tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài thực hiện hoạt động ngân hàng, trừ giao dịch ký quỹ, giao dịch mua bán lại chứng khoán của công ty chứng khoán.

3. Tổ chức, cá nhân can thiệp trái pháp luật vào hoạt động ngân hàng, hoạt động kinh doanh khác của ngân hàng thương mại là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên.

4. Ngân hàng thương mại là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên thực hiện hành vi hạn chế cạnh tranh hoặc hành vi cạnh tranh không lành mạnh có nguy cơ gây tổn hại hoặc gây tổn hại đến việc thực hiện chính sách tiền tệ quốc gia, an toàn của các ngân hàng thương mại là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên, hệ thống tổ chức tín dụng không là thành viên, lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân.

### Điều 16. Áp dụng pháp luật tại Trung tâm tài chính của ngân hàng thương mại là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên

Trong trường hợp Nghị quyết của Quốc hội về Trung tâm tài chính quốc tế tại Việt Nam, Nghị định này không có quy định điều chỉnh:

1. Ngân hàng thương mại là thành viên được thực hiện theo quy định hiện hành của pháp luật Việt Nam áp dụng đối với ngân hàng thương mại là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên không phải thành viên.

2. Chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên được thực hiện theo quy định hiện hành của pháp luật Việt Nam áp dụng đối với chi nhánh ngân hàng nước ngoài không phải thành viên.

# Chương II

# GIẤY PHÉP

### Điều 17. Thẩm quyền cấp, sửa đổi, bổ sung và thu hồi Giấy phép

1. Cơ quan có thẩm quyền cấp, sửa đổi, bổ sung và thu hồi Giấy phép theo quy định của Nghị định này.

2. Giấy phép thành lập và hoạt động của ngân hàng thương mại là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký thành viên.

3. Cơ quan có thẩm quyền cấp phép quy định việc thông báo thông tin về cấp, sửa đổi, bổ sung, thu hồi Giấy phép; thông tin về việc bổ nhiệm Tổng giám đốc (Giám đốc) ngân hàng thương mại là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên và các thông tin có liên quan cho Cơ quan điều hành Trung tâm tài chính quốc tế để đăng ký thành viên và cập nhật Cơ sở dữ liệu về thành viên trong Trung tâm tài chính quốc tế.

### Điều 18. Cơ quan có thẩm quyền cấp phép, thu hồi Giấy phép

**Phương án 1: Ngân hàng Nhà nước thực hiện trong 5 năm đầu**

1. Ngân hàng Nhà nước, Cơ quan Điều hành Trung tâm tài chính, Cơ quan Giám sát Trung tâm tài chính quốc tế là Cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy phép thành lập, hoạt động, sửa đổi, bổ sung Giấy phép thành lập, hoạt động và thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động của Ngân hàng thương mại là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên.

2. Ngân hàng Nhà nước thực hiện cấp giấy phép, sửa đổi, bổ sung, thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động của ngân hàng thương mại là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên trong 05 năm đầu (kể từ ngày thành lập trung tâm tài chính quốc tế). Trong vòng 06 tháng trước khi kết thúc 05 năm đầu, Ngân hàng Nhà nước trình Thủ tướng Chính phủ quyết định việc chuyển giao nhiệm vụ cấp Giấy phép thành lập, hoạt động, sửa đổi, bổ sung và thu hồi Giấy phép thành lập, hoạt động đối với các Ngân hàng thương mại là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên cho Cơ quan Điều hành Trung tâm tài chính hoặc Cơ quan giám sát Trung tâm tài chính quốc tế.

**Phương án 2: Cơ quan Điều hành Trung tâm tài chính Quốc tế hoặc Cơ quan Giám sát Trung tâm tài chính quốc tế thực hiện từ đầu**

Cơ quan Giám sát Trung tâm tài chính quốc tế là Cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy phép thành lập, hoạt động, sửa đổi, bổ sung Giấy phép thành lập, hoạt động và thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động của Ngân hàng thương mại là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên

### Điều 19. Vốn pháp định

1. Ngân hàng thương mại là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên tuân thủ quy định của pháp luật về mức vốn pháp định của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và phải duy trì giá trị thực của vốn điều lệ tối thiểu bằng mức vốn pháp định.

2. Giá trị thực của vốn điều lệ được xác định bằng vốn điều lệ hoặc vốn được cấp, cộng lợi nhuận lũy kế chưa phân phối, trừ lỗ lũy kế chưa xử lý được phản ánh trên sổ sách kế toán.

3. Ngân hàng thương mại là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên phải thường xuyên theo dõi, đánh giá giá trị thực của vốn điều lệ và định kỳ báo cáo Cơ quan có thẩm quyền giám sát như sau:

a) Đối với ngân hàng thương mại là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên có kỳ lập báo cáo tài chính năm kết thúc vào ngày 31 tháng 12:

Chậm nhất đến ngày 15 tháng 7 và 15 tháng 01 hằng năm, báo cáo giá trị thực của vốn điều lệtại thời điểm cuối ngày 30 tháng 6 và 31 tháng 12;

b) Đối với ngân hàng thương mại là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt kỳ lập báo cáo tài chính năm không kết thúc vào ngày 31 tháng 12:

Chậm nhất đến ngày 15 của tháng đầu tiên kỳ kế toán quý thứ nhất và kỳ kế toán quý thứ ba, báo cáo giá trị thực của vốn điều lệ tại thời điểm ngày cuối cùng của kỳ kế toán quý liền kề trước đó;

c) Trường hợp giá trị thực của vốn điều lệ tại thời điểm báo cáo nêu tại điểm a và điểm b khoản này chưa bao gồm các bút toán điều chỉnh của kiểm toán độc lập (nếu có), ngân hàng thương mại là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên bổ sung vào kỳ lập báo cáo tài chính tiếp theo.

### Điều 20. Xử lý khi giá trị thực của vốn điều lệ giảm thấp hơn mức vốn pháp định

1. Khi giá trị thực của vốn điều lệ của ngân hàng thương mại là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên giảm thấp hơn mức vốn pháp định, ngân hàng thương mại là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên phải:

a) Xây dựng và tự triển khai thực hiện phương án xử lý để đảm bảo giá trị thực của vốn điều lệtối thiểu bằng mức vốn pháp định;

b) Trong thời gian tối đa 30 ngày khi giá trị thực của vốn điều lệ giảm thấp hơn mức vốn pháp định, phải có văn bản báo cáo phương án xử lý và cam kết thực hiện phương án gửi trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính cho Cơ quan có thẩm quyền giám sát, trong đó tối thiểu phải có các nội dung sau:

(i) Giá trị thực của vốn điều lệ theo quy định tại Điều 19 Nghị định này;

(ii) Nguyên nhân giá trị thực của vốn điều lệ giảm thấp hơn mức vốn pháp định;

(iii) Các biện pháp bảo đảm giá trị thực của vốn điều lệ không thấp hơn mức vốn pháp định và duy trì các tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động;

c) Tổ chức triển khai thực hiện các biện pháp xử lý theo yêu cầu của Cơ quan có thẩm quyền giám sát (nếu có).

2. Các biện pháp Cơ quan có thẩm quyền giám sát áp dụng để xử lý khi vốn điều lệ của ngân hàng thương mại là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên giảm thấp hơn vốn pháp định:

a) Đánh giá, kiểm tra, thanh tra hoặc yêu cầu ngân hàng thương mại là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên thực hiện kiểm toán độc lập để xác định giá trị thực của vốn điều lệ tại phương án xử lý do ngân hàng thương mại là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên báo cáo theo quy định tại khoản 1 Điều này;

b) Yêu cầu sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện các biện pháp xử lý của ngân hàng thương mại là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên khi giá trị thực của vốn điều lệ thấp hơn mức vốn pháp định nêu tại phương án quy định tại khoản 1 Điều này trong trường hợp cần thiết;

c) Giám sát, thanh tra việc tổ chức, triển khai thực hiện các biện pháp tại phương án xử lý, bao gồm cả các biện pháp xử lý theo yêu cầu của Cơ quan có thẩm quyền giám sát.

### Điều 21. Điều kiện cấp Giấy phép thành lập ngân hàng thương mại 100% vốn trong nước

1. Có vốn điều lệ tối thiểu tương đương bằng mức vốn pháp định.

2. Chủ sở hữu là ngân hàng thương mại trong nước đáp ứng các điều kiện sau đây:

a) Có giá trị thực của vốn điều lệ tại thời điểm 31 tháng 12 của năm trước liền kề năm đề nghị gấp hai lần mức vốn pháp định. Giá trị thực của vốn điều lệ được xác định theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về giới hạn, tỷ lệ bảo đảm an toàn trên cơ sở báo cáo tài chính riêng lẻ được kiểm toán của năm trước liền kề năm đề nghị;

b) Tuân thủ các hạn chế để bảo đảm an toàn trong hoạt động của tổ chức tín dụng quy định tại các Điều 134, 135, 136, 137; khoản 1 Điều 138 và Điều 142 Luật Các tổ chức tín dụng và các hướng dẫn hiện hành của Ngân hàng Nhà nước đối với các quy định này liên tục trong thời gian 12 tháng trước tháng đề nghị;

c) Thực hiện đúng, đầy đủ các quy định về phân loại tài sản có, mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro và việc sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong hoạt động theo quy định của pháp luật tại quý trước liền kề thời điểm đề nghị;

d) Có tỷ lệ nợ xấu theo quy định hiện hành của Ngân hàng Nhà nước về việc phân loại tài sản có tại thời điểm 31 tháng 12 của năm trước liền kề năm đề nghị và tại ngày cuối cùng của tháng liền kề trước thời điểm đề nghị không vượt quá 3% hoặc một tỷ lệ khác theo quyết định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước trong từng thời kỳ;

đ) Tại thời điểm đề nghị, Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, Ban kiểm soát có số lượng và cơ cấu theo đúng quy định của pháp luật, không bị khuyết Tổng giám đốc;

e) Tại thời điểm đề nghị, chủ sở hữu có bộ phận kiểm toán nội bộ và hệ thống kiểm soát nội bộ bảo đảm tuân thủ Điều 57, Điều 58 Luật Các tổ chức tín dụng và các quy định có liên quan của pháp luật;

g) Không bị xử phạt vi phạm hành chính về tổ chức, quản trị, điều hành (trừ vi phạm quy định về quy định nội bộ); cấp tín dụng; tỷ lệ bảo đảm an toàn; phân loại tài sản có, cam kết ngoại bảng, trích lập và sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro theo quy định của pháp luật về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng trong thời hạn 12 tháng trở về trước tính từ thời điểm đề nghị;

h) Không thuộc đối tượng phải thực hiện biện pháp không được mở rộng mạng lưới;

i) Được xếp hạng A, B theo kết quả xếp hạng do Ngân hàng Nhà nước thông báo gần nhất tại thời điểm đề nghị và tại thời điểm chấp thuận.

k) Có thời gian hoạt động tối thiểu là 03 năm tính từ ngày khai trương hoạt động đến thời điểm đề nghị;

l) Có tổng tài sản Có đạt 100.000 tỷ Đồng Việt Nam trở lên theo báo cáo tài chính hợp nhất được kiểm toán của năm trước liền kề năm đề nghị;

m) Hoạt động kinh doanh có lãi theo các báo cáo tài chính hợp nhất và báo cáo tài chính riêng lẻ được kiểm toán trong 03 năm trước liền kề năm đề nghị;

n) Tuân thủ quy định về phòng, chống rửa tiền, tài trợ khủng bố, tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt theo quy định của pháp luật.

3. Người quản lý, người điều hành, thành viên Ban kiểm soát có đủ các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại Điều 40 Nghị định này.

4. Điều lệ phù hợp với quy định tại Nghị định này và quy định khác của pháp luật có liên quan.

5. Đề án thành lập, phương án kinh doanh khả thi, bảo đảm không gây ảnh hưởng đến sự an toàn, ổn định của hệ thống tổ chức tín dụng, không tạo ra sự độc quyền hoặc hạn chế cạnh tranh hoặc cạnh tranh không lành mạnh trong hệ thống tổ chức tín dụng. Chủ sở hữu phải có văn bản cam kết về các nội dung nêu trên khi gửi Đề án thành lập, phương án kinh doanh cho Cơ quan có thẩm quyền cấp phép.

6. Chủ sở hữu phải có văn bản cam kết hỗ trợ về tài chính, công nghệ, quản trị, điều hành, hoạt động cho ngân hàng thương mại 100% vốn trong nước; bảo đảm ngân hàng thương mại 100% vốn trong nước duy trì giá trị thực của vốn điều lệ không thấp hơn mức vốn pháp định và tuân thủ các quy định về hạn chế để bảo đảm an toàn trong hoạt động theo quy định của Nghị định này.

7. Có quy định nội bộ về phòng, chống rửa tiền, tài trợ khủng bố, tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt đáp ứng các yêu cầu của pháp luật Việt Nam.

### Điều 22. Điều kiện cấp Giấy phép thành lập ngân hàng thương mại 100% vốn nước ngoài

1. Có vốn điều lệ tối thiểu tương đương bằng mức vốn pháp định.

2. Chủ sở hữu là ngân hàng nước ngoài đáp ứng các điều kiện sau đây:

a) Không vi phạm nghiêm trọng các quy định về hoạt động ngân hàng và các quy định pháp luật khác của nước nơi ngân hàng đặt trụ sở chính trong vòng 05 năm liên tiếp liền kề trước năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép và đến thời điểm nộp hồ sơ bổ sung để được xem xét cấp Giấy phép;

b) Có kinh nghiệm hoạt động quốc tế, được các tổ chức xếp hạng tín nhiệm quốc tế xếp hạng như sau:

Thứ hạng tín nhiệm từ mức AA- trở lên (theo Standard & Poor’s hoặc Fitch Ratings) hoặc từ mức Aa3 trở lên (theo Moody’s) đến thời điểm gần nhất tính từ thời điểm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép. Trường hợp tổ chức xếp hạng tín nhiệm quốc tế có thang thứ hạng tín nhiệm khác thang thứ hạng tín nhiệm của Standard & Poor’s hoặc Moody’s hoặc Fitch Ratings thì mức xếp hạng tín nhiệm không thấp hơn mức xếp hạng tương ứng của Standard & Poor’s hoặc Moody’s hoặc Fitch Ratings;

Triển vọng của thứ hạng tín nhiệm quy định tại điểm này từ mức ổn định trở lên.

c) Kinh doanh có lãi trong 05 năm liên tiếp liền kề trước năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép và đến thời điểm nộp hồ sơ bổ sung để được xem xét cấp Giấy phép;

d) Có tổng tài sản có ít nhất tương đương 10 tỷ đô la Mỹ vào cuối năm liền kề trước năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép;

đ) Được cơ quan có thẩm quyền của nước nơi ngân hàng nước ngoài đặt trụ sở chính đánh giá đảm bảo tỷ lệ an toàn vốn, các tỷ lệ bảo đảm an toàn khác, tuân thủ đầy đủ các quy định về quản trị rủi ro và trích lập dự phòng đầy đủ theo quy định của nước nơi ngân hàng nước ngoài đặt trụ sở chính vào năm liền kề trước năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép và đến thời điểm nộp hồ sơ bổ sung để được xem xét cấp Giấy phép;

e) Tuân thủ quy định về phòng, chống rửa tiền, tài trợ khủng bố, tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt theo quy định của pháp luật.

3. Người quản lý, người điều hành, thành viên Ban kiểm soát có đủ các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại Điều 40 Nghị định này.

4. Điều lệ phù hợp với quy định tại Nghị định này và quy định khác của pháp luật có liên quan.

5. Đề án thành lập, phương án kinh doanh khả thi, bảo đảm không gây ảnh hưởng đến sự an toàn, ổn định của hệ thống tổ chức tín dụng, không tạo ra sự độc quyền hoặc hạn chế cạnh tranh hoặc cạnh tranh không lành mạnh trong hệ thống tổ chức tín dụng.

6. Ngân hàng nước ngoài được phép thực hiện hoạt động ngân hàng theo quy định của pháp luật của nước nơi ngân hàng nước ngoài đặt trụ sở chính.

7. Hoạt động dự kiến thực hiện của ngân hàng thương mại là thành viên phải là hoạt động mà ngân hàng nước ngoài đang được phép thực hiện tại nước nơi ngân hàng nước ngoài đặt trụ sở chính.

8. Cơ quan có thẩm quyền của nước nơi ngân hàng nước ngoài đặt trụ sở chính đã ký kết thỏa thuận với Ngân hàng Nhà nước về thanh tra, giám sát hoạt động ngân hàng, trao đổi thông tin giám sát an toàn ngân hàng và có văn bản cam kết giám sát hợp nhất theo thông lệ quốc tế đối với hoạt động của ngân hàng nước ngoài.

9. Ngân hàng nước ngoài phải có văn bản cam kết hỗ trợ về tài chính, công nghệ, quản trị, điều hành, hoạt động cho ngân hàng thương mại 100% vốn nước ngoài; bảo đảm ngân hàng thương mại 100% vốn nước ngoài duy trì giá trị thực của vốn điều lệ không thấp hơn mức vốn pháp định và thực hiện các quy định về hạn chế để bảo đảm an toàn trong hoạt động theo quy định của Nghị định này.

10. Có quy định nội bộ về phòng, chống rửa tiền, tài trợ khủng bố, tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt đáp ứng các yêu cầu của pháp luật Việt Nam.

11. Được cơ quan có thẩm quyền của nước nơi ngân hàng nước ngoài đặt trụ sở chính đánh giá tuân thủ quy định về phòng, chống rửa tiền, tài trợ khủng bố, tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt đáp ứng chuẩn mực quốc tế.

### Điều 23. Điều kiện cấp Giấy phép thành lập chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên

1. Có vốn được cấp tối thiểu tương đương bằng mức vốn pháp định.

2. Ngân hàng mẹ là ngân hàng nước ngoài đáp ứng các điều kiện sau đây:

a) Không vi phạm nghiêm trọng các quy định về hoạt động ngân hàng và các quy định pháp luật khác của nước nơi ngân hàng mẹ đặt trụ sở chính trong vòng 05 năm liên tiếp liền kề trước năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép và đến thời điểm nộp hồ sơ bổ sung để được xem xét cấp Giấy phép;

b) Có kinh nghiệm hoạt động quốc tế, được các tổ chức xếp hạng tín nhiệm quốc tế xếp hạng như sau:

Thứ hạng tín nhiệm từ mức AA- trở lên (theo Standard & Poor’s hoặc Fitch Ratings) hoặc từ mức Aa3 trở lên (theo Moody’s) đến thời điểm gần nhất tính từ thời điểm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép. Trường hợp tổ chức xếp hạng tín nhiệm quốc tế có thang thứ hạng tín nhiệm khác thang thứ hạng tín nhiệm của Standard & Poor’s hoặc Moody’s hoặc Fitch Ratings thì mức xếp hạng tín nhiệm không thấp hơn mức xếp hạng tương ứng của Standard & Poor’s hoặc Moody’s hoặc Fitch Ratings;

Triển vọng của thứ hạng tín nhiệm quy định tại điểm này từ mức ổn định trở lên.

c) Được cơ quan có thẩm quyền của nước nơi ngân hàng mẹ đặt trụ sở chính đánh giá đảm bảo tỷ lệ an toàn vốn, các tỷ lệ bảo đảm an toàn khác, tuân thủ đầy đủ các quy định về quản trị rủi ro và trích lập dự phòng đầy đủ theo quy định của nước nơi ngân hàng mẹ đặt trụ sở chính vào năm liền kề trước năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép và đến thời điểm nộp hồ sơ bổ sung để được xem xét cấp Giấy phép;

d) Kinh doanh có lãi trong 05 năm liên tiếp liền kề trước năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép và đến thời điểm nộp hồ sơ bổ sung để được xem xét cấp Giấy phép;

đ) Có tổng tài sản có ít nhất tương đương 20 tỷ đô la Mỹ vào cuối năm liền kề trước năm nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép;

e) Tuân thủ quy định về phòng, chống rửa tiền, tài trợ khủng bố, tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt theo quy định của pháp luật.

3. Người quản lý, người điều hành có đủ các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại Điều 39 Nghị định này.

4. Đề án thành lập, phương án kinh doanh khả thi, bảo đảm không gây ảnh hưởng đến sự an toàn, ổn định của hệ thống tổ chức tín dụng, không tạo ra sự độc quyền hoặc hạn chế cạnh tranh hoặc cạnh tranh không lành mạnh trong hệ thống tổ chức tín dụng.

5. Ngân hàng mẹ được phép thực hiện hoạt động ngân hàng theo quy định của pháp luật của nước nơi ngân hàng mẹ đặt trụ sở chính.

6. Hoạt động dự kiến thực hiện của chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên phải là hoạt động mà ngân hàng mẹ đang được phép thực hiện tại nước nơi ngân hàng mẹ đặt trụ sở chính.

7. Cơ quan có thẩm quyền của nước nơi ngân hàng mẹ đặt trụ sở chính đã ký kết thỏa thuận với Ngân hàng Nhà nước/Cơ quan giám sát Trung tâm tài chính về thanh tra, giám sát hoạt động ngân hàng, trao đổi thông tin giám sát an toàn ngân hàng và có văn bản cam kết giám sát hợp nhất theo thông lệ quốc tế đối với hoạt động của ngân hàng nước ngoài.

8. Ngân hàng mẹ phải có văn bản bảo đảm chịu trách nhiệm về mọi nghĩa vụ và cam kết của chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên; bảo đảm duy trì giá trị thực của vốn được cấp không thấp hơn mức vốn pháp định và thực hiện các quy định về hạn chế để bảo đảm an toàn trong hoạt động theo quy định của Nghị định này.

9. Cóquy định nội bộ về phòng, chống rửa tiền, tài trợ khủng bố, tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt đáp ứng các yêu cầu của pháp luật Việt Nam.

10. Được cơ quan có thẩm quyền của nước nơi ngân hàng nước ngoài đặt trụ sở chính đánh giá tuân thủ quy định về phòng, chống rửa tiền, tài trợ khủng bố, tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt đáp ứng chuẩn mực quốc tế

### Điều 24. Hồ sơ, thủ tục cấp Giấy phép

Hồ sơ, thủ tục cấp Giấy phép lần đầu, cấp đổi Giấy phép thực hiện theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước.

### Điều 25. Thời hạn cấp Giấy phép

1. Trong thời hạn 120 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Cơ quan có thẩm quyền cấp phép cấp Giấy phép hoặc từ chối cấp Giấy phép thành lập và hoạt động của ngân hàng thương mại là thành viên, Giấy phép thành lập chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên.

2. Trường hợp từ chối cấp Giấy phép, Cơ quan có thẩm quyền cấp phép phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do.

### Điều 26. Lệ phí cấp Giấy phép

Ngân hàng thương mại là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên được cấp Giấy phép lần đầu, cấp đổi Giấy phép phải nộp lệ phí cấp Giấy phép theo quy định của pháp luật về phí và lệ phí.

### Điều 27. Công bố thông tin về khai trương hoạt động

Ngân hàng thương mại là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên phải công bố trên 01 phương tiện truyền thông của Ngân hàng Nhà nước/Cơ quan giám sát ít nhất 30 ngày trước ngày dự kiến khai trương hoạt động các thông tin sau đây:

1. Tên, địa chỉ trụ sở chính của ngân hàng thương mại là thành viên; tên, địa chỉ trụ sở của chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên.

2. Số, ngày cấp Giấy phép;

3. Vốn điều lệ của ngân hàng thương mại là thành viên chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên.

4. Người đại diện theo pháp luật của ngân hàng thương mại là thành viên, Tổng giám đốc (Giám đốc) chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên.

5. Chủ sở hữu của ngân hàng thương mại là thành viên, ngân hàng mẹ của chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên.

6. Ngày dự kiến khai trương hoạt động.

### Điều 28. Điều kiện khai trương hoạt động

1. Ngân hàng thương mại là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên được cấp Giấy phép chỉ được tiến hành hoạt động kể từ ngày khai trương hoạt động.

2. Để khai trương hoạt động, ngân hàng thương mại là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên được cấp Giấy phép phải có đủ các điều kiện sau đây:

a) Đã gửi Cơ quan có thẩm quyền Điều lệ của ngân hàng thương mại là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên được cấp có thẩm quyền thông qua;

b) Có đủ vốn điều lệ; có kho tiền, trụ sở đủ điều kiện theo quy định hiện hành của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước;

c) Có cơ cấu tổ chức quản lý, hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ phù hợp với loại hình hoạt động theo quy định của Nghị định này và quy định khác của pháp luật có liên quan;

d) Có hệ thống công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu quản lý, quy mô hoạt động;

đ) Có quy định nội bộ về tổ chức, hoạt động của Hội đồng thành viên, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc), các phòng, ban chuyên môn nghiệp vụ tại trụ sở chính; quy định nội bộ về quản lý rủi ro;

e) Vốn điều lệ có giá trị tương đương bằng đồng Việt Nam phải được gửi đầy đủ vào tài khoản phong tỏa không hưởng lãi mở tại Ngân hàng Nhà nước ít nhất 30 ngày trước ngày khai trương hoạt động. Vốn điều lệ được giải tỏa khi ngân hàng thương mại là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên đã khai trương hoạt động;

f) Đã công bố thông tin về khai trương hoạt động theo quy định tại Điều 27 của Nghị định này.

3. Ngân hàng thương mại là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên phải tiến hành khai trương hoạt động trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày được cấp Giấy phép, trừ trường hợp có sự kiện bất khả kháng; quá thời hạn này mà không khai trương hoạt động thì Giấy phép đã cấp hết hiệu lực. Cơ quan có thẩm quyền công bố trên Cổng thông tin điện tử của Cơ quan có thẩm quyền về việc Giấy phép hết hiệu lực.

4. Ngân hàng thương mại là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên được cấp Giấy phép phải thông báo cho Cơ quan có thẩm quyền về điều kiện khai trương hoạt động quy định tại khoản 2 Điều này ít nhất 15 ngày trước ngày dự kiến khai trương hoạt động. Cơ quan có thẩm quyền đình chỉ việc khai trương hoạt động khi ngân hàng thương mại là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên không đủ điều kiện quy định tại khoản 2 Điều này.

### Điều 29. Sử dụng Giấy phép

1. Ngân hàng thương mại là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên được cấp Giấy phép phải sử dụng đúng tên và hoạt động đúng nội dung quy định trong Giấy phép.

2. Ngân hàng thương mại là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên được cấp Giấy phép không được tẩy xóa, sửa chữa, mua, bán, chuyển nhượng, cho thuê, cho mượn Giấy phép.

### Điều 30. Những thay đổi phải được Cơ quan có thẩm quyền chấp thuận

1. Ngân hàng thương mại là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên phải được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận bằng văn bản trước khi thực hiện thủ tục thay đổi một trong những nội dung sau đây:

a) Tên, địa điểm đặt trụ sở chính của ngân hàng thương mại là thành viên; tên, địa điểm đặt trụ sở của chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên;

b) Mức vốn điều lệ;

c) Nội dung, thời hạn hoạt động;

d) Tạm ngừng giao dịch từ 05 ngày làm việc trở lên, trừ trường hợp tạm ngừng giao dịch do sự kiện bất khả kháng;

2. Hồ sơ, thủ tục chấp thuận thay đổi quy định tại khoản 1 Điều này và việc sửa đổi, bổ sung Giấy phép thực theo quy định hiện hành của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước.

3. Khi được chấp thuận thay đổi nội dung quy định tại khoản 1 Điều này, ngân hàng thương mại là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên phải thực hiện thủ tục sau đây:

a) Sửa đổi, bổ sung Điều lệ phù hợp với nội dung thay đổi đã được chấp thuận quy định tại các điểm a, b, c và d khoản 1 Điều này đối với trường hợp ngân hàng thương mại là thành viên;

b) Công bố nội dung thay đổi quy định tại các điểm a, b, c và d khoản 1 Điều này trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận trên 01 phương tiện truyền thông của cơ quan cơ quan có thẩm quyền và 01 tờ báo in trong 03 số liên tiếp hoặc trên 01 báo điện tử của Việt Nam/nước ngoài.

# Chương III

# TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ, ĐIỀU HÀNH CỦA NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI LÀ THÀNH VIÊN, CHI NHÁNH NGÂN HÀNG NƯỚC NGOÀI LÀ THÀNH VIÊN

## Mục 1

## NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI LÀ THÀNH VIÊN

### Điều 31. Cơ cấu tổ chức quản lý của ngân hàng thương mại là thành viên

Cơ cấu tổ chức quản lý của ngân hàng thương mại là thành viên bao gồm Hội đồng thành viên, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc).

### Điều 32. Địa điểm hoạt động kinh doanh của ngân hàng thương mại là thành viên

Ngân hàng thương mại là thành viên không được mở rộng mạng lưới hoạt động; không được chuyển địa điểm đặt trụ sở chính ra ngoài ranh giới địa lý của Trung tâm tài chính.

### Điều 33. Quyền, nghĩa vụ của chủ sở hữu của ngân hàng thương mại là thành viên

1. Chủ sở hữu có các quyền sau đây:

a) Quyết định số lượng thành viên Hội đồng thành viên và ghi trong Điều lệ của ngân hàng thương mại là thành viên, nhưng không ít hơn 03 thành viên và không quá 07 thành viên;

b) Bổ nhiệm người đại diện theo ủy quyền với nhiệm kỳ không quá 05 năm để thực hiện quyền, nghĩa vụ của chủ sở hữu theo quy định của Nghị định này. Người đại diện theo ủy quyền phải có đủ các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại Điều 40 của Nghị định này;

c) Bổ nhiệm với nhiệm kỳ không quá 05 năm, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch, thành viên khác của Hội đồng thành viên; Trưởng Ban, thành viên khác của Ban kiểm soát; Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó giám đốc), Kế toán trưởng;

d) Quyết định thay đổi mức vốn điều lệ của ngân hàng thương mại là thành viên;

đ) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm; quyết định việc sử dụng lợi nhuận sau khi đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác của ngân hàng thương mại là thành viên;

e) Quyết định giải thể, yêu cầu Tòa án mở thủ tục phá sản ngân hàng thương mại là thành viên;

f) Quyết định mức thù lao, lương, thưởng, lợi ích khác của Chủ tịch, thành viên khác của Hội đồng thành viên, Trưởng ban, thành viên khác của Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc);

g) Các quyền khác theo quy định của Nghị định này và Điều lệ của ngân hàng thương mại là thành viên.

2. Chủ sở hữu có các nghĩa vụ sau đây:

a) Góp vốn đầy đủ và đúng thời hạn như đã cam kết;

b) Không được chuyển nhượng phần vốn góp tại ngân hàng thương mại là thành viên;

c) Tuân thủ Điều lệ của ngân hàng thương mại là thành viên;

d) Xác định và tách biệt giữa tài sản của chủ sở hữu với tài sản của ngân hàng thương mại là thành viên;

đ) Tuân thủ pháp luật trong việc mua, bán, vay, cho vay, thuê, cho thuê và hợp đồng, giao dịch khác giữa ngân hàng thương mại là thành viên và chủ sở hữu;

e) Nghĩa vụ khác theo quy định của Nghị định này và Điều lệ của ngân hàng thương mại là thành viên.

### Điều 34. Quyền, nghĩa vụ của người quản lý, người điều hành của ngân hàng thương mại là thành viên

1. Tuân thủ pháp luật, quyết định của chủ sở hữu, Điều lệ của ngân hàng thương mại là thành viên.

2. Thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, vì lợi ích của ngân hàng thương mại là thành viên và chủ sở hữu ngân hàng thương mại là thành viên.

3. Không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của ngân hàng thương mại là thành viên, lạm dụng địa vị, chức vụ và tài sản của ngân hàng thương mại là thành viên để thu lợi cá nhân hoặc để phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác làm tổn hại tới lợi ích của ngân hàng thương mại là thành viên và chủ sở hữu của ngân hàng thương mại là thành viên.

4. Chịu trách nhiệm trong việc chấp hành các quy định hạn chế để bảo đảm an toàn trong hoạt động ngân hàng của ngân hàng thương mại là thành viên theo quy định của Nghị định này.

5. Bảo đảm lưu trữ hồ sơ của ngân hàng thương mại là thành viên để cung cấp được các số liệu phục vụ cho hoạt động quản lý, điều hành, kiểm soát mọi hoạt động của ngân hàng thương mại là thành viên, hoạt động thanh tra, giám sát, kiểm tra của cơ quan có thẩm quyền.

6. Am hiểu về các loại rủi ro trong hoạt động của ngân hàng thương mại là thành viên.

7. Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho ngân hàng thương mại là thành viên về quyền lợi của mình tại tổ chức khác, giao dịch với tổ chức, cá nhân khác có thể gây xung đột với lợi ích của ngân hàng thương mại là thành viên và chỉ được tham gia vào giao dịch đó khi được Hội đồng thành viên chấp thuận.

8. Không được tạo điều kiện để bản thân hoặc người có liên quan của mình vay vốn, sử dụng các dịch vụ ngân hàng khác của ngân hàng thương mại là thành viên với những điều kiện ưu đãi, thuận lợi hơn so với quy định chung của ngân hàng thương mại là thành viên.

9. Không được tăng thù lao, lương hoặc yêu cầu trả thưởng cho người quản lý, người điều hành khi ngân hàng thương mại là thành viên đó bị lỗ.

10. Trong phạm vi quyền, nghĩa vụ được giao, có trách nhiệm thực hiện yêu cầu bằng văn bản của cơ quan có thẩm quyền đối với các nội dung thuộc thẩm quyền của cơ quan đó. Thực hiện khuyến nghị, cảnh báo rủi ro và an toàn hoạt động, cảnh báo nguy cơ dẫn đến vi phạm pháp luật về tiền tệ và ngân hàng; kết luận, kiến nghị, quyết định xử lý về thanh tra, kiểm tra.

11. Quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ của ngân hàng thương mại là thành viên.

### Điều 35. Hội đồng thành viên và cơ cấu Hội đồng thành viên của thành viên là ngân hàng thương mại

1. Hội đồng thành viên là cơ quan quản trị có toàn quyền nhân danh ngân hàng thương mại là thành viên để quyết định, thực hiện quyền, nghĩa vụ của ngân hàng thương mại là thành viên, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của chủ sở hữu.

2. Hội đồng thành viên gồm tất cả người đại diện theo ủy quyền của chủ sở hữu, nhân danh chủ sở hữu tổ chức thực hiện quyền, nghĩa vụ của chủ sở hữu; nhân danh ngân hàng thương mại là thành viên thực hiện quyền, nghĩa vụ của ngân hàng thương mại là thành viên; chịu trách nhiệm trước chủ sở hữu trong việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình theo quy định của Nghị định này và Điều lệ của ngân hàng thương mại là thành viên.

3. Trường hợp Hội đồng thành viên có số thành viên ít hơn số thành viên tối thiểu theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 33 Nghị định này, trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày không đủ số thành viên tối thiểu, ngân hàng thương mại là thành viên phải bổ sung, bảo đảm số thành viên tối thiểu.

4. Hội đồng thành viên có bộ phận giúp việc. Chức năng, nhiệm vụ của bộ phận giúp việc do Hội đồng thành viên quy định.

5. Hội đồng thành viên sử dụng con dấu của ngân hàng thương mại là thành viên để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình.

6. Hội đồng thành viên phải thành lập các Ủy ban để giúp Hội đồng thành viên thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình, trong đó tối thiểu phải có Ủy ban Quản lý rủi ro và Ủy ban Nhân sự. Hội đồng thành viên quyết định nhiệm vụ, quyền hạn của các Ủy ban phù hợp với quy định tại Điều 35 Nghị định này.

7. Nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng thành viên; quyền, nghĩa vụ của Chủ tịch, thành viên của Hội đồng thành viên do Điều lệ của ngân hàng thương mại là thành viên quy định phù hợp với quy định tại Nghị định này và quy định tại Luật Các tổ chức tín dụng.

### Điều 36. Cơ cấu tổ chức, quy chế làm việc của Ủy ban quản lý rủi ro và Ủy ban nhân sự của ngân hàng thương mại là thành viên

1. Ủy ban quản lý rủi ro, Ủy ban nhân sự phải có tối thiểu 03 thành viên, gồm Trưởng ban là thành viên Hội đồng thành viên và các thành viên khác do Hội đồng thành viên quyết định, bổ nhiệm, miễn nhiệm theo quy định nội bộ và Điều lệ của ngân hàng thương mại là thành viên. Một thành viên Hội đồng thành viên chỉ được là Trưởng ban của một Ủy ban.

2. Khi thành lập các Ủy ban, Hội đồng thành viên phải ban hành quy chế làm việc và chức năng, nhiệm vụ của các Ủy ban theo quy định hiện hành của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước. Trong thời hạn 10 (mười) ngày kể từ ngày ban hành, ngân hàng thương mại là thành viên gửi các quy định này tới cơ quan có thẩm quyền để báo cáo.

### Điều 37. Ban kiểm soát ngân hàng thương mại là thành viên

1. Ban kiểm soát thực hiện giám sát, đánh giá việc chấp hành quy định của pháp luật, quy định nội bộ, Điều lệ của ngân hàng thương mại là thành viên và nghị quyết, quyết định của chủ sở hữu, Hội đồng thành viên.

2. Ban kiểm soát của ngân hàng thương mại là thành viên có tối thiểu 03 thành viên. Số lượng thành viên của Ban kiểm soát do Điều lệ của ngân hàng thương mại là thành viên quy định.

3. Ban kiểm soát có bộ phận kiểm toán nội bộ, bộ phận giúp việc để thực hiện nhiệm vụ của mình.

4. Nhiệm kỳ của Ban kiểm soát không quá 05 năm. Nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát theo nhiệm kỳ của Ban kiểm soát. Nhiệm kỳ của thành viên được bổ sung hoặc thay thế là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ của Ban Kiểm soát. Ban kiểm soát của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi Ban kiểm soát của nhiệm kỳ mới tiếp quản công việc.

5. Trường hợp Ban kiểm soát có số thành viên ít hơn số thành viên tối thiểu quy định tại khoản 2 Điều này, trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày không đủ số thành viên tối thiểu, ngân hàng thương mại là thành viên phải bổ sung, bảo đảm số thành viên tối thiểu.

6. Nhiệm vụ, quyền hạn của Ban kiểm soát; quyền, nghĩa vụ của Trưởng ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát do Điều lệ của ngân hàng thương mại là thành viên quy định phù hợp với quy định tại Nghị định này và quy định tại Luật Các tổ chức tín dụng.

### Điều 38. Tổng giám đốc (Giám đốc) của ngân hàng thương mại là thành viên

1. Chủ sở hữu bổ nhiệm Tổng giám đốc (Giám đốc) với nhiệm kỳ không quá 05 năm.

2. Tổng giám đốc (Giám đốc) là người điều hành cao nhất của ngân hàng thương mại là thành viên, chịu trách nhiệm trước Hội đồng thành viên, chủ sở hữu về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình.

3. Trường hợp khuyết Tổng giám đốc (Giám đốc), chủ sở hữu của ngân hàng thương mại là thành viên phải bổ nhiệm Tổng giám đốc (Giám đốc) trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày khuyết Tổng giám đốc (Giám đốc).

4. Quyền, nghĩa vụ của Tổng giám đốc (Giám đốc) do Điều lệ của ngân hàng thương mại là thành viên quy định phù hợp với quy định tại Nghị định này và quy định tại Luật Các tổ chức tín dụng.

### Điều 39. Điều lệ của ngân hàng thương mại là thành viên

1. Điều lệ của ngân hàng thương mại là thành viên phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa điểm đặt trụ sở;

b) Nội dung hoạt động;

c) Thời hạn hoạt động;

d) Vốn điều lệ, phương thức góp vốn, tăng, giảm vốn điều lệ;

đ) Nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng thành viên, Ban kiểm soát; quyền, nghĩa vụ của Chủ tịch, thành viên Hội đồng thành viên, Trưởng ban kiểm soát, thành viên Ban kiểm soát và Tổng giám đốc (Giám đốc);

e) Thể thức bổ nhiệm, miễn nhiệm thành viên Hội đồng thành viên, thành viên Ban kiểm soát và Tổng giám đốc (Giám đốc);

g) Tên, địa chỉ trụ sở chính, quốc tịch của chủ sở hữu;

h) Quyền, nghĩa vụ của chủ sở hữu;

i) Người đại diện theo pháp luật;

k) Các nguyên tắc tài chính, kế toán, kiểm soát và kiểm toán nội bộ;

l) Thể thức thông qua quyết định của ngân hàng thương mại là thành viên; nguyên tắc giải quyết tranh chấp nội bộ;

m) Căn cứ, phương pháp xác định thù lao, tiền lương và thưởng cho người quản lý, người điều hành, thành viên Ban kiểm soát;

n) Các trường hợp, thủ tục giải thể;

o) Thủ tục sửa đổi, bổ sung Điều lệ.

2. Điều lệ, nội dung sửa đổi, bổ sung Điều lệ của ngân hàng thương mại là thành viên phải gửi cơ quan có thẩm quyền trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được thông qua.

### Điều 40. Tiêu chuẩn, điều kiện đối với người quản lý, người điều hành và một số chức danh khác của ngân hàng thương mại là thành viên

Thành viên Hội đồng thành viên; thành viên Ban kiểm soát; Tổng Giám đốc (Giám đốc); Phó Tổng giám đốc (Phó giám đốc), Kế toán trưởng và các chức danh tương đương theo quy định tại Điều lệ của ngân hàng thương mại là thành viên phải có đủ các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định tại Luật Các tổ chức tín dụng.

### Điều 41. Chấp thuận danh sách dự kiến những người được bổ nhiệm làm thành viên Hội đồng thành viên, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc (Giám đốc) của ngân hàng thương mại là thành viên

1. Danh sách dự kiến những người được bổ nhiệm làm thành viên Hội đồng thành viên, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc (Giám đốc) của ngân hàng thương mại là thành viên phải được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận trước khi bổ nhiệm các chức danh này. Những người được bổ nhiệm làm thành viên Hội đồng thành viên, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc (Giám đốc) của ngân hàng thương mại là thành viên phải thuộc danh sách đã được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận.

2. Hồ sơ, thủ tục chấp thuận danh sách dự kiến những người được bổ nhiệm các chức danh quy định tại khoản 1 Điều này thực hiện theo quy định hiện hành của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước.

3. Ngân hàng thương mại là thành viên phải thông báo cho cơ quan có thẩm quyền danh sách người được bổ nhiệm làm thành viên Hội đồng thành viên; thành viên Ban kiểm soát; Tổng giám đốc (Giám đốc) trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày bổ nhiệm.

### Điều 42. Những trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ và những trường hợp không cùng đảm nhiệm chức vụ

Chủ tịch Hội đồng thành viên, Thành viên Hội đồng thành viên; Trưởng Ban kiểm soát, thành viên Ban kiểm soát; Tổng Giám đốc (Giám đốc); Phó Tổng giám đốc (Phó giám đốc), Kế toán trưởng và các chức danh tương đương theo quy định tại Điều lệ của ngân hàng thương mại là thành viên phải tuân thủ quy định về những trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ và những trường hợp không cùng đảm nhiệm chức vụ tại Luật Các tổ chức tín dụng.

### Điều 43. Những trường hợp đương nhiên mất tư cách

1. Thành viên Hội đồng thành viên, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc) của ngân hàng thương mại là thành viên đương nhiên mất tư cách khi thuộc một trong các trường hợp đương nhiên mất tư cách theo quy định tại Luật Các tổ chức tín dụng.

2. Trừ trường hợp ngân hàng thương mại là thành viên bị thu hồi Giấy phép, Hội đồng thành viên của ngân hàng thương mại là thành viên phải có văn bản báo cáo kèm tài liệu chứng minh về việc nhân sự đương nhiên mất tư cách theo quy định tại khoản 1 Điều này gửi cơ quan có thẩm quyền trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhân sự đương nhiên mất tư cách và chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của báo cáo này; thực hiện thủ tục bổ nhiệm chức danh bị khuyết theo quy định của pháp luật.

3. Sau khi đương nhiên mất tư cách, thành viên Hội đồng thành viên, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc) của ngân hàng thương mại là thành viên vẫn phải chịu trách nhiệm về các quyết định của mình trong thời gian đương nhiệm.

### Điều 44. Miễn nhiệm, bãi nhiệm

1. Trừ trường hợp đương nhiên mất tư cách quy định tại Điều 43 Nghị định này, Chủ tịch, thành viên khác của Hội đồng thành viên; Trưởng ban, thành viên khác của Ban kiểm soát; Tổng giám đốc (Giám đốc) của ngân hàng thương mại là thành viên bị miễn nhiệm, bãi nhiệm khi thuộc một trong các trường hợp bị miễn nhiệm, bãi nhiệm theo quy định tại Luật Các tổ chức tín dụng.

2. Sau khi bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Chủ tịch, thành viên khác của Hội đồng thành viên; Trưởng ban, thành viên khác của Ban kiểm soát; Tổng giám đốc (Giám đốc) của ngân hàng thương mại là thành viên vẫn phải chịu trách nhiệm về các quyết định của mình trong thời gian đương nhiệm.

3. Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày thông qua quyết định miễn nhiệm, bãi nhiệm đối với các nhân sự theo quy định tại khoản 1 Điều này, Hội đồng thành viên của ngân hàng thương mại là thành viên phải có văn bản kèm tài liệu liên quan báo cáo cơ quan có thẩm quyền.

### Điều 45. Đình chỉ, tạm đình chỉ việc thực hiện quyền, nghĩa vụ của thành viên Hội đồng thành viên, Ban kiểm soát và người điều hành của ngân hàng thương mại là thành viên

1. Cơ quan có thẩm quyền có quyền đình chỉ, tạm đình chỉ việc thực hiện quyền, nghĩa vụ của Chủ tịch, thành viên khác của Hội đồng thành viên; Trưởng ban, thành viên khác của Ban kiểm soát; người điều hành của ngân hàng thương mại là thành viên vi phạm quy định tại khoản 10 Điều 34 Nghị định này, quy định về những trường hợp không cùng đảm nhiệm chức vụ tại Luật Các tổ chức tín dụng hoặc quy định khác của pháp luật có liên quan trong quá trình thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao hoặc không bảo đảm tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại Điều 40 của Nghị định này; yêu cầu cơ quan có thẩm quyền miễn nhiệm, bãi nhiệm, bổ nhiệm người thay thế hoặc chỉ định người thay thế nếu xét thấy cần thiết.

2. Người bị đình chỉ, tạm đình chỉ việc thực hiện quyền, nghĩa vụ theo quy định tại khoản 1 Điều này phải tham gia xử lý các tồn tại và vi phạm có liên quan đến trách nhiệm cá nhân khi có yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền, Hội đồng thành viên, Ban kiểm soát của ngân hàng thương mại là thành viên.

### Điều 46. Cung cấp, công bố công khai thông tin

1. Thành viên Hội đồng thành viên, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó giám đốc) và chức danh tương đương theo quy định tại Điều lệ của ngân hàng thương mại là thành viên phải cung cấp cho ngân hàng thương mại là thành viên các thông tin sau đây:

a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp, tổ chức kinh tế khác mà mình hoặc mình và người có liên quan đứng tên sở hữu phần vốn góp, cổ phần từ 05% vốn điều lệ trở lên, bao gồm cả phần vốn góp, cổ phần ủy quyền, ủy thác cho tổ chức, cá nhân khác đứng tên;

b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp, tổ chức kinh tế khác mà mình và người có liên quan là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, kiểm soát viên, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc);

c) Thông tin về người có liên quan là cá nhân, bao gồm: họ và tên; số định danh cá nhân; quốc tịch, số hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp đối với người nước ngoài; mối quan hệ với người cung cấp thông tin;

d) Thông tin về người có liên quan là tổ chức, bao gồm: tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp, số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy tờ pháp lý tương đương; người đại diện theo pháp luật, mối quan hệ với người cung cấp thông tin.

2. Đối tượng quy định tại khoản 1 Điều này phải gửi ngân hàng thương mại là thành viên bằng văn bản cung cấp thông tin lần đầu và khi có thay đổi các thông tin này trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày phát sinh hoặc có thay đổi thông tin.

3. Ngân hàng thương mại là thành viên phải niêm yết, lưu giữ thông tin quy định tại khoản 1 Điều này tại trụ sở chính của ngân hàng thương mại là thành viên và gửi báo cáo bằng văn bản cho cơ quan có thẩm quyền trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày ngân hàng thương mại là thành viên nhận được thông tin cung cấp. Định kỳ hằng năm, ngân hàng thương mại là thành viên công bố thông tin quy định tại các điểm a, b, d khoản 1 Điều này với Hội đồng thành viên của ngân hàng thương mại là thành viên.

4. Đối tượng cung cấp, công bố công khai thông tin phải bảo đảm thông tin cung cấp, công bố công khai trung thực, chính xác, đầy đủ, kịp thời và phải chịu trách nhiệm về việc cung cấp, công bố công khai thông tin đó.

### Điều 47. Hệ thống kiểm soát nội bộ

1. Hệ thống kiểm soát nội bộ là tập hợp các cơ chế, chính sách, quy trình, quy định nội bộ, cơ cấu tổ chức của ngân hàng thương mại là thành viên và được tổ chức thực hiện nhằm bảo đảm phòng ngừa, phát hiện, xử lý kịp thời rủi ro.

2. Ngân hàng thương mại là thành viên phải xây dựng hệ thống kiểm soát nội bộ để bảo đảm các yêu cầu theo quy định của Luật Các tổ chức tín dụng.

3. Cơ quan có thẩm quyền có quyền yêu cầu ngân hàng thương mại là thành viên thuê tổ chức kiểm toán độc lập đánh giá một phần hoặc toàn bộ hệ thống kiểm soát nội bộ khi xét thấy cần thiết.

4. Ngân hàng thương mại là thành viên xây dựng hệ thống kiểm soát nội bộ và triển khai ứng dụng công nghệ trong hoạt động kiểm soát nội bộ theo quy định hiện hành của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước.

### Điều 48. Kiểm toán nội bộ

1. Ngân hàng thương mại là thành viên phải thành lập kiểm toán nội bộ thuộc Ban kiểm soát để thực hiện hoạt động kiểm toán nội bộ.

2. Kiểm toán nội bộ thực hiện rà soát, đánh giá độc lập, khách quan về tính thích hợp và sự tuân thủ cơ chế, chính sách, quy trình, quy định nội bộ của ngân hàng thương mại là thành viên; đưa ra kiến nghị nhằm nâng cao hiệu quả của các hệ thống, quy trình, quy định, góp phần bảo đảm ngân hàng thương mại là thành viên hoạt động an toàn, hiệu quả, đúng pháp luật.

3. Kết quả kiểm toán nội bộ phải được báo cáo Ban kiểm soát và gửi Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc (Giám đốc) của ngân hàng thương mại là thành viên thành viên.

### Điều 49. Kiểm toán độc lập

Trước khi kết thúc năm tài chính, ngân hàng thương mại là thành viên phải lựa chọn tổ chức kiểm toán độc lập để kiểm toán báo cáo tài chính và thực hiện dịch vụ bảo đảm đối với hoạt động của hệ thống kiểm soát nội bộ trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính trong năm tài chính tiếp theo.

## Mục 2

## CHI NHÁNH NGÂN HÀNG NƯỚC NGOÀI LÀ THÀNH VIÊN

### Điều 50. Cơ cấu tổ chức quản lý

Cơ cấu tổ chức quản lý của chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên do ngân hàng mẹ quyết định và tuân thủ quy định của Nghị định này về điều hành, quy định tại Điều 47 và Điều 49 Nghị định này; việc kiểm toán nội bộ thực hiện theo quy định của ngân hàng mẹ.

### Điều 51. Tổng giám đốc (Giám đốc) chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên

1. Tổng giám đốc (Giám đốc) chi nhánh ngân hàng nước là thành viên là người đại diện cho chi nhánh ngân hàng nước ngoài trước pháp luật, chịu trách nhiệm về mọi hoạt động của chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên và điều hành hoạt động hằng ngày theo quyền, nghĩa vụ phù hợp với quy định của Nghị định này và quy định khác của pháp luật có liên quan; trường hợp vắng mặt ở Việt Nam phải ủy quyền bằng văn bản cho người khác để thực hiện quyền, nghĩa vụ của Tổng giám đốc (Giám đốc) chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên.

2. Tổng giám đốc (Giám đốc) chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên không thuộc đối tượng không được đảm nhiệm chức vụ quy định tại Khoản 2 Điều 42 Luật các tổ chức tín dụng và phải có đủ tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại Điều 40 của Nghị định này. Người dự kiến được bổ nhiệm làm Tổng giám đốc (Giám đốc) chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên phải được Cơ quan có thẩm quyền chấp thuận bằng văn bản trước khi bổ nhiệm.

3. Hồ sơ, thủ tục chấp thuận người dự kiến được bổ nhiệm làm Tổng giám đốc (Giám đốc) chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên thực hiện theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước.

### Điều 52. Miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng giám đốc (Giám đốc) chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên

1. Việc miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng giám đốc (Giám đốc) chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên do ngân hàng mẹ quyết định và có văn bản kèm tài liệu liên quan báo cáo cơ quan có thẩm quyền trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày thông qua quyết định miễn nhiệm, bãi nhiệm.

2. Sau khi miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng giám đốc (Giám đốc) của chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên vẫn phải chịu trách nhiệm về các quyết định của mình trong thời gian đương nhiệm.

# Chương IV

# HOẠT ĐỘNG CỦA NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI LÀ THÀNH VIÊN, CHI NHÁNH NGÂN HÀNG NƯỚC NGOÀI LÀ THÀNH VIÊN

## Mục 1

## QUY ĐỊNH CHUNG VỀ HOẠT ĐỘNG NGÂN HÀNG CỦA NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI LÀ THÀNH VIÊN, CHI NHÁNH NGÂN HÀNG NƯỚC NGOÀI LÀ THÀNH VIÊN

### Điều 53. Nội dung hoạt động được phép của ngân hàng thương mại là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên

Nội dung hoạt động ngân hàng, hoạt động kinh doanh khác được ghi trong Giấy phép cấp cho từng ngân hàng thương mại là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên.

### Điều 54. Lãi suất, phí trong hoạt động kinh doanh của ngân hàng thương mại là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên

1. Ngân hàng thương mại là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên được quyền ấn định và phải niêm yết công khai mức lãi suất huy động vốn, mức phí cung ứng dịch vụ trong hoạt động kinh doanh của ngân hàng thương mại là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên.

2. Ngân hàng thương mại là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên và khách hàng có quyền thỏa thuận về lãi suất, phí cấp tín dụng trong hoạt động ngân hàng của ngân hàng thương mại là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên theo quy định của pháp luật đối với từng hoạt động cụ thể tại Mục 2 Chương này.

3. Lãi suất trong hoạt động kinh doanh của ngân hàng thương mại là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên đối với khách hàng thực hiện theo quy định hiện hành của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

### Điều 55. Quy định nội bộ

1. Căn cứ vào quy định của Nghị định này, quy định hiện hành của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước và quy định của pháp luật có liên quan, ngân hàng thương mại là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên phải xây dựng và ban hành quy định nội bộ đối với hoạt động nghiệp vụ, bao gồm cả việc thực hiện hoạt động nghiệp vụ bằng phương tiện điện tử, bảo đảm có cơ chế kiểm soát, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro gắn với từng quy trình nghiệp vụ kinh doanh, phương án xử lý trường hợp khẩn cấp.

2. Ngân hàng thương mại là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên phải ban hành quy định nội bộ về các nội dung sau đây:

a) Cấp tín dụng, quản lý khoản cấp tín dụng;

b) Phân loại tài sản có, trích lập và sử dụng dự phòng rủi ro;

c) Đánh giá chất lượng tài sản có và tuân thủ tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu;

d) Quản lý thanh khoản, trong đó có thủ tục và giới hạn quản lý thanh khoản;

đ) Kiểm soát nội bộ và kiểm toán nội bộ phù hợp với tính chất và quy mô hoạt động;

e) Hệ thống xếp hạng tín dụng nội bộ;

g) Quản trị rủi ro trong hoạt động;

h) Phòng, chống rửa tiền, tài trợ khủng bố, tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt;

i) Phương án xử lý trường hợp khẩn cấp.

3. Ngân hàng thương mại là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên phải gửi cho cơ quan có thẩm quyền quy định nội bộ quy định tại khoản 2 Điều này trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày ban hành.

### Điều 56. Xét duyệt cấp tín dụng, kiểm tra sử dụng vốn vay

1. Ngân hàng thương mại là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên phải yêu cầu khách hàng cung cấp tài liệu, dữ liệu chứng minh khả năng tài chính của khách hàng, phương án sử dụng vốn khả thi, mục đích sử dụng vốn hợp pháp trước khi quyết định cấp tín dụng.

2. Ngân hàng thương mại là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên phải tổ chức xét duyệt cấp tín dụng theo nguyên tắc phân định trách nhiệm giữa khâu thẩm định và quyết định cấp tín dụng.

3. Ngân hàng thương mại là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên có quyền, nghĩa vụ kiểm tra, giám sát việc sử dụng vốn vay và trả nợ của khách hàng quy định tại khoản 1 Điều này; có quyền yêu cầu khách hàng vay báo cáo việc sử dụng vốn vay và cung cấp tài liệu, dữ liệu chứng minh vốn vay được sử dụng đúng mục đích.

4. Khách hàng có nghĩa vụ sử dụng vốn vay đúng mục đích đã cam kết, hoàn trả nợ gốc, lãi, phí đầy đủ, đúng hạn theo thỏa thuận.

### Điều 57. Chấm dứt cấp tín dụng, xử lý nợ, miễn, giảm lãi

1. Ngân hàng thương mại là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên có quyền chấm dứt việc cấp tín dụng, thu hồi nợ trước hạn khi phát hiện khách hàng cung cấp thông tin sai sự thật, vi phạm nội dung thỏa thuận trong hợp đồng, thỏa thuận cấp tín dụng, hợp đồng bảo đảm.

2. Trường hợp các bên không có thỏa thuận khác thì ngân hàng thương mại là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên có quyền xử lý nợ, tài sản bảo đảm theo hợp đồng, thỏa thuận cấp tín dụng, hợp đồng bảo đảm và quy định của pháp luật Việt Nam. Việc cơ cấu lại thời hạn trả nợ, mua, bán nợ của ngân hàng thương mại là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên thực hiện theo quy định hiện hành của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước.

3. Trường hợp khách hàng hoặc bên bảo đảm không trả được nợ do bị phá sản, việc thu hồi nợ của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thực hiện theo quy định của pháp luật Việt Nam về phá sản và theo thông lệ quốc tế.

4. Ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài có quyền quyết định miễn, giảm lãi, phí cho khách hàng theo quy định nội bộ ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

### Điều 58. Lưu trữ hồ sơ tín dụng

1. Ngân hàng thương mại là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên phải lưu trữ hồ sơ tín dụng, bao gồm:

a) Tài liệu, dữ liệu đề nghị cấp tín dụng;

b) Tài liệu, dữ liệu thẩm định, quyết định cấp tín dụng;

c) Hợp đồng, thỏa thuận cấp tín dụng; hồ sơ về biện pháp bảo đảm trong trường hợp có áp dụng biện pháp bảo đảm;

d) Tài liệu, dữ liệu phát sinh trong quá trình sử dụng khoản cấp tín dụng liên quan đến hợp đồng, thỏa thuận cấp tín dụng.

2. Thời hạn lưu trữ hồ sơ tín dụng thực hiện theo quy định của pháp luật Việt Nam về lưu trữ.

### Điều 59. Giao dịch điện tử trong hoạt động của ngân hàng thương mại là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên

Hoạt động của ngân hàng thương mại là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên được thực hiện bằng phương tiện điện tử theo quy định hiện hành của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.

## Mục 2

## HOẠT ĐỘNG CỦA NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI LÀ THÀNH VIÊN, CHI NHÁNH NGÂN HÀNG NƯỚC NGOÀI LÀ THÀNH VIÊN

### Điều 60. Nhận tiền gửi

1. Nhận tiền gửi không kỳ hạn:

Ngân hàng thương mại là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên được nhận tiền gửi không kỳ hạn theo quy định tại Điều 62 Nghị định này.

2. Nhận tiền gửi có kỳ hạn

a) Ngân hàng thương mại là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên được nhận tiền gửi có kỳ hạn bằng ngoại tệ từ các Thành viên không phải là ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, cá nhân, tổ chức ngoài lãnh thổ Việt Nam theo hướng dẫn của ngân hàng mẹ, phù hợp với quy định tại Nghị quyết của Quốc hội, quy định tại Nghị định này và quy định hiện hành của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về tiền gửi có kỳ hạn.

b) Ngân hàng thương mại là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên không được nhận tiền gửi có kỳ hạn bằng ngoại tệ từ cá nhân, tổ chức trên lãnh thổ Việt Nam không là thành viên.

c) Ngân hàng thương mại là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên không được nhận tiền gửi có kỳ hạn bằng đồng Việt Nam.

### Điều 61. Cấp tín dụng

1. Cho vay

a) Ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên Trung tâm tài chính chỉ được thực hiện cho vay bằng ngoại tệ đối với tổ chức là thành viên (không bao gồm ngân hàng thương mại là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên), tổ chức trên lãnh thổ Việt Nam không là thành viên Trung tâm tài chính (không bao gồm các tổ chức tín dụng không là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài không là thành viên) theo hướng dẫn của ngân hàng mẹ, phù hợp với quy định tại Nghị quyết của Quốc hội, Nghị định này và các văn bản hướng dẫn có liên quan về Trung tâm tài chính.

b) Ngân hàng thương mại là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên thực hiện cho vay bằng ngoại tệ đối với cá nhân, tổ chức ngoài lãnh thổ Việt Nam (không bao gồm tổ chức tín dụng nước ngoài) theo quy định tại Chương IX Nghị định này.

2. Chiết khấu

Ngân hàng thương mại là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên chỉ được thực hiện chiết khấu bằng ngoại tệ với thành viên (không bao gồm ngân hàng thương mại là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên), tổ chức trên lãnh thổ Việt Nam không là thành viên (không bao gồm tổ chức tín dụng không là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài không là thành viên), cá nhân, tổ chức (không bao gồm tổ chức tín dụng nước ngoài) ngoài lãnh thổ Việt Nam theo hướng dẫn của ngân hàng mẹ, phù hợp với quy định tại Nghị quyết của Quốc hội, Nghị định này và các văn bản hướng dẫn có liên quan về Trung tâm tài chính.

3. Bảo lãnh ngân hàng

a) Ngân hàng thương mại 100% vốn nước ngoài, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên chỉ được thực hiện bảo lãnh ngân hàng bằng ngoại tệ và thực hiện theo chính sách của chủ sở hữu, ngân hàng mẹ quy định đối với thành viên, tổ chức ngoài lãnh thổ Việt Nam và tổ chức trên lãnh thổ Việt Nam không là thành viên và không phải tuân thủ quy định tại Điều 56, Điều 57 Nghị định này.

b) Ngân hàng thương mại 100% vốn trong nước chỉ được thực hiện bảo lãnh ngân hàng bằng ngoại tệ và thực hiện theo tập quán thương mại quốc tế quy định tại Điều 3 Nghị định này đối với thành viên; chỉ được thực hiện bảo lãnh ngân hàng bằng ngoại tệ đối với tổ chức ngoài lãnh thổ Việt Nam và tổ chức trên lãnh thổ Việt Nam không là thành viên theo quy định hiện hành của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước.

4. Phát hành thẻ tín dụng

Ngân hàng thương mại là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên được phát hành thẻ tín dụng theo quy định tại Điều 65 Nghị định này.

5. Bao thanh toán trong nước; bao thanh toán quốc tế

a) Ngân hàng thương mại 100% vốn nước ngoài, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên chỉ được thực hiện bao thanh toán và dịch vụ liên quan đến bao thanh toán bằng ngoại tệ đối với thành viên, cá nhân, tổ chức ngoài lãnh thổ Việt Nam và tổ chức trên lãnh thổ Việt Nam không là thành viên theo chính sách của chủ sở hữu, ngân hàng mẹ quy định và không phải tuân thủ quy định tại Điều 56, Điều 57 Nghị định này.

b) Ngân hàng thương mại 100% vốn trong nước chỉ được thực hiện bao thanh toán và dịch vụ liên quan đến bao thanh toán bằng ngoại tệ và thực hiện theo tập quán thương mại quy định tại Điều 3 Nghị định này đối với thành viên; chỉ được thực hiện bao thanh toán và dịch vụ liên quan đến bao thanh toán bằng ngoại tệ đối với cá nhân, tổ chức ngoài lãnh thổ Việt Nam và tổ chức trên lãnh thổ Việt Nam không là thành viên theo quy định hiện hành của Thống đốc ngân hàng Nhà nước.

6. Thư tín dụng

a) Ngân hàng thương mại 100% vốn nước ngoài, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên chỉ được thực hiện nghiệp vụ thư tín dụng và các hoạt động kinh doanh liên quan đến thư tín dụng bằng ngoại tệ đối với thành viên, cá nhân, tổ chức ngoài lãnh thổ Việt Nam và tổ chức trên lãnh thổ Việt Nam không là thành viên theo chính sách của chủ sở hữu, ngân hàng mẹ quy định và không phải tuân thủ quy định tại Điều 56, Điều 57 Nghị định này.

b) Ngân hàng thương mại 100% vốn trong nước chỉ được thực hiện nghiệp vụ thư tín dụng và các hoạt động kinh doanh liên quan đến thư tín dụng bằng ngoại tệ và thực hiện theo tập quán thương mại quốc tế quy định tại Điều 3 Nghị định này đối với thành viên; chỉ được thực hiện nghiệp vụ thư tín dụng và các hoạt động kinh doanh liên quan đến thư tín dụng bằng ngoại tệ đối với cá nhân, tổ chức ngoài lãnh thổ Việt Nam và tổ chức trên lãnh thổ Việt Nam không là thành viên theo quy định hiện hành của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước.

### Điều 62. Mở tài khoản thanh toán cho khách hàng

1. Ngân hàng thương mại là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên được mở tài khoản thanh toán bằng ngoại tệ cho tổ chức là thành viên; cá nhân, tổ chức ngoài lãnh thổ Việt Nam; cá nhân, tổ chức trên lãnh thổ Việt Nam không phải thành viên. Việc mở và sử dụng tài khoản thanh toán cho khách hàng thực hiện theo quy định hiện hành của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về mở và sử dụng tài khoản thanh toán và quy định về quản lý ngoại hối tại Chương IX Nghị định này.

2. Ngân hàng thương mại là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên không được mở tài khoản thanh toán bằng đồng Việt Nam cho thành viên; cá nhân, tổ chức trên lãnh thổ Việt Nam không phải thành viên; tổ chức, cá nhân ngoài lãnh thổ Việt Nam.

### Điều 63. Cung ứng các phương tiện thanh toán

1. Ngân hàng thương mại là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên được cung ứng các phương tiện thanh toán bằng ngoại tệ đối với thành viên; cá nhân, tổ chức trên lãnh thổ Việt Nam không phải thành viên và cá nhân, tổ chức ngoài lãnh thổ Việt Nam. Việc cung ứng các phương tiện thanh toán bằng ngoại tệ thực hiện theo quy định hiện hành và quy định về quản lý ngoại hối tại Chương IX Nghị định này; trừ việc phát hành thẻ thực hiện theo quy định tại Điều 65 Nghị định này.

2. Ngân hàng thương mại là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên không được cung ứng các phương tiện thanh toán bằng đồng Việt Nam đối với thành viên; cá nhân, tổ chức ngoài lãnh thổ Việt Nam và cá nhân, tổ chức trên lãnh thổ Việt Nam không phải thành viên.

### Điều 64. Cung ứng dịch vụ thanh toán qua tài khoản

1. Ngân hàng thương mại là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên được cung ứng dịch vụ thanh toán qua tài khoản thanh toán bằng ngoại tệ (trừ hoạt động thẻ ngân hàng thực hiện theo quy định tại Điều 65 Nghị định này) cho tổ chức là thành viên; cá nhân, tổ chức ngoài lãnh thổ Việt Nam; cá nhân, tổ chức trên lãnh thổ Việt Nam không phải thành viên. Việc thực hiện các giao dịch thanh toán qua tài khoản thanh toán bằng ngoại tệ thực hiện theo quy định pháp luật về quản lý ngoại hối tại Chương IX Nghị định này, bảo vệ dữ liệu người dùng, an ninh mạng, quản lý thuế, thỏa thuận quốc tế về thanh toán mà Việt Nam tham gia.

2. Ngân hàng thương mại là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên không được cung ứng dịch vụ thanh toán qua tài khoản thanh toán bằng đồng Việt Nam cho thành viên; cá nhân, tổ chức trên lãnh thổ Việt Nam không phải thành viên; cá nhân, tổ chức ngoài lãnh thổ Việt Nam.

### Điều 65. Hoạt động thẻ ngân hàng

1. Ngân hàng thương mại là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên được phát hành thẻ tín dụng bằng ngoại tệ, thẻ ghi nợ bằng ngoại tệ đối với thành viên, cá nhân, tổ chức ở nước ngoài và tổ chức trên lãnh thổ Việt Nam không là thành viên theo quy định hiện hành của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước. Khi thực hiện giao dịch thẻ, chủ thẻ phải thực hiện thanh toán cho ngân hàng thương mại là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên (là tổ chức phát hành thẻ) bằng ngoại tệ. Đồng tiền sử dụng trong giao dịch thẻ trên lãnh thổ Việt Nam thực hiện theo quy định hiện hành.

2. Ngân hàng thương mại là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên không được phát hành thẻ tín dụng bằng ngoại tệ, thẻ ghi nợ bằng ngoại tệ đối với cá nhân trên lãnh thổ Việt Nam.

### Điều 66. Cho vay, vay, gửi tiền, nhận tiền gửi, mua, bán có kỳ hạn giấy tờ có giá giữa ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài

1. Ngân hàng thương mại là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên được cho vay, vay, gửi tiền, nhận tiền gửi bằng ngoại tệ, mua, bán có kỳ hạn giấy tờ có giá phát hành bằng ngoại tệ với ngân hàng thương mại khác là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài khác là thành viên theo quy định hiện hành của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước.

2. Ngân hàng thương mại là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên thực hiện cho vay bằng ngoại tệ đối với tổ chức tín dụng không là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài không là thành viên theo hướng dẫn của ngân hàng mẹ, phù hợp với quy định tại Mục 4 Chương IX Nghị định này. Ngân hàng thương mại là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên không được vay ngân hàng thương mại không là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài không là thành viên.

3. Ngân hàng thương mại là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên thực hiện các hoạt động đối với tổ chức tín dụng nước ngoài sau:

a) Cho vay theo quy định tại Chương IX Nghị định này.

b) Vay theo quy định tại Chương IX Nghị định này.

c) Gửi ngoại tệ ở nước ngoài:

i) Ngân hàng thương mại 100% vốn nước ngoài, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên được thực hiện gửi ngoại tệ ở nước ngoài theo hướng dẫn của chủ sở hữu, ngân hàng mẹ, phù hợp với quy định tại Nghị quyết của Quốc hội, Nghị định này và quy định của pháp luật liên quan.

ii) Ngân hàng thương mại 100% vốn trong nước được thực hiện hoạt động gửi ngoại tệ ở nước ngoài theo quy định hiện hành của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về hoạt động gửi ngoại tệ ở nước ngoài.

d) Nhận tiền gửi từ tổ chức tín dụng nước ngoài theo quy định hiện hành của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước.

e) Không được mua, bán có kỳ hạn giấy tờ có giá với tổ chức tín dụng ở nước ngoài.

4. Ngân hàng thương mại là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên không được thực hiện cho vay, vay, gửi tiền, nhận tiền gửi, mua, bán có kỳ hạn giấy tờ có giá bằng đồng Việt Nam.

### Điều 67. Mở tài khoản của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài

1. Ngân hàng thương mại là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên được mở tài khoản thanh toán bằng đồng Việt Nam, ngoại tệ tại ngân hàng thương mại không là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài không phải thành viên. Việc mở và sử dụng tài khoản thanh toán của ngân hàng thương mại là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên tại ngân hàng thương mại không là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài không là thành viên thực hiện theo quy định hiện hành về mở và sử dụng tài khoản thanh toán và quy định về quản lý ngoại hối tại Chương IX Nghị định này.

2. Ngân hàng thương mại là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên được mở và sử dụng tài khoản thanh toán bằng ngoại tệ ở nước ngoài để thực hiện các hoạt động, dịch vụ theo quy định tại Giấy phép, phạm vi hoạt động quy định tại Chương IV Nghị định này và quy định pháp luật của nước sở tại nơi mở tài khoản thanh toán bằng ngoại tệ, không phải thực hiện thủ tục hành chính liên quan đến việc cấp phép mở và sử dụng tài khoản thanh toán ngoại tệ ở nước ngoài.

3. Ngân hàng thương mại là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên không được mở tài khoản thanh toán tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

### Điều 68. Tổ chức và tham gia hệ thống thanh toán của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài

1. Ngân hàng thương mại là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên được tổ chức thanh toán nội bộ, không được tham gia hệ thống thanh toán liên ngân hàng quốc gia.

2. Ngân hàng thương mại là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên được tham gia hệ thống thanh toán quốc tế phổ biến: Visa, MasterCard, JCB, UPI, SWIFT. Ngân hàng thương mại là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên có văn bản đề nghị Ngân hàng Nhà nước Việt Nam để được bổ sung vào Giấy phép khi có nhu cầu tham gia các hệ thống nêu trên.

3. Ngân hàng thương mại là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên được tham gia các hệ thống thanh toán quốc tế khác khi đáp ứng điều kiện theo quy định của Chính phủ và được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chấp thuận bằng văn bản.

### Điều 69. Giao dịch ngoại tệ của ngân hàng thương mại là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên

1. Ngân hàng thương mại là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên được thực hiện giao dịch ngoại tệ giữa các ngoại tệ với nhau (sau đây gọi là giao dịch ngoại tệ - ngoại tệ) với các thành viên khác theo quy định hiện hành của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước. Ngân hàng thương mại là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên không được thực hiện giao dịch ngoại tệ giữa đồng Việt Nam và ngoại tệ với các Thành viên khác.

2. Ngân hàng thương mại là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên được thực hiện giao dịch ngoại tệ - ngoại tệ với tổ chức tín dụng được phép hoạt động ngoại hối trên lãnh thổ Việt Nam không là thành viên (sau đây gọi là tổ chức tín dụng được phép) với vai trò là tổ chức tài chính nước ngoài thực hiện giao dịch với tổ chức tín dụng được phép theo phạm vi hoạt động ngoại hối trên thị trường quốc tế của tổ chức tín dụng được phép đó.

3. Ngân hàng thương mại là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên được thực hiện giao dịch ngoại tệ giữa đồng Việt Nam và ngoại tệ với tổ chức tín dụng được phép với vai trò là tổ chức kinh tế thực hiện giao dịch ngoại tệ với tổ chức tín dụng được phép theo quy định hiện hành của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước.

4. Ngân hàng thương mại là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên không được thực hiện giao dịch ngoại tệ với cá nhân, tổ chức trên lãnh thổ Việt Nam không phải thành viên ngoài phạm vi quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này.

5. Ngân hàng thương mại là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên được thực hiện giao dịch ngoại tệ - ngoại tệ trên thị trường quốc tế trong phạm vi hoạt động ngoại hối trên thị trường quốc tế được ghi trong Giấy phép và theo quy định hiện hành của Thống đốc Ngân hàng nhà nước. Ngân hàng thương mại là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên không được thực hiện giao dịch ngoại tệ giữa đồng Việt Nam và ngoại tệ trên thị trường quốc tế.

***Đối với giao dịch ngoại tệ của thành viên không phải là ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài***

**Phương án 1**

6. Thành viên trung tâm tài chính không phải là ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thực hiện giao dịch ngoại tệ với tổ chức tín dụng được phép thuộc phần còn lại của Việt Nam với vai trò là người không cư trú thực hiện giao dịch ngoại tệ với tổ chức tín dụng được phép theo quy định hiện hành của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

**Phương án 2: Quy định khoản 6 Điều này tại Điều 70**

### Điều 70. Giao dịch ngoại tệ của thành viên không phải là ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài

Thành viên trung tâm tài chính không phải là ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thực hiện giao dịch ngoại tệ với tổ chức tín dụng được phép thuộc phần còn lại của Việt Nam với vai trò là người không cư trú thực hiện giao dịch ngoại tệ với tổ chức tín dụng được phép theo quy định hiện hành của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

### Điều 71. Kinh doanh, cung ứng sản phẩm phái sinh lãi suất

1. Ngân hàng thương mại là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên được kinh doanh, cung ứng sản phẩm phái sinh lãi suất bằng ngoại tệ cho tổ chức là thành viên, tổ chức, cá nhân ngoài lãnh thổ Việt Nam và tổ chức trên lãnh thổ Việt Nam không là thành viên theo hướng dẫn của ngân hàng mẹ, phù hợp với quy định tại Nghị quyết của Quốc hội, Nghị định này và các văn bản hướng dẫn có liên quan về Trung tâm tài chính.

2. Ngân hàng thương mại là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên không được kinh doanh, cung ứng sản phẩm phái sinh lãi suất bằng ngoại tệ cho cá nhân trên lãnh thổ Việt Nam; không được kinh doanh, cung ứng sản phẩm phái sinh lãi suất bằng đồng Việt Nam cho tổ chức là thành viên, cá nhân, tổ chức ngoài lãnh thổ Việt Nam và cá nhân, tổ chức trên lãnh thổ Việt Nam không là thành viên.

### Điều 72. Kinh doanh, cung ứng sản phẩm phái sinh ngoại hối

Ngân hàng thương mại là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên được kinh doanh, cung ứng sản phẩm phái sinh ngoại hối bằng ngoại tệ cho thành viên, tổ chức ngoài lãnh thổ Việt Nam và tổ chức trên lãnh thổ Việt Nam không là thành viên theo quy định tại Nghị định này và các quy định hiện hành của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

### Điều 73. Cung ứng sản phẩm phái sinh giá cả hàng hóa

1. Ngân hàng thương mại là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên được cung ứng sản phẩm phái sinh giá cả hàng hóa bằng ngoại tệ cho tổ chức là thành viên, cá nhân, tổ chức ngoài lãnh thổ Việt Nam và tổ chức trên lãnh thổ Việt Nam không là thành viên theo hướng dẫn của ngân hàng mẹ, phù hợp với quy định tại Nghị quyết của Quốc hội, Nghị định này và các văn bản hướng dẫn có liên quan về Trung tâm tài chính.

2. Ngân hàng thương mại là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên không được cung ứng sản phẩm phái sinh giá cả hàng hóa bằng ngoại tệ cho cá nhân trên lãnh thổ Việt Nam; không được cung ứng sản phẩm phái sinh giá cả hàng hóa bằng đồng Việt Nam cho tổ chức là thành viên, cá nhân, tổ chức ngoài lãnh thổ Việt Nam và cá nhân, tổ chức trên lãnh thổ Việt Nam không là thành viên.

### Điều 74. Ủy thác, nhận ủy thác trong hoạt động ngân hàng

1. Ngân hàng thương mại là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên được ủy thác trong hoạt động ngân hàng với ngân hàng thương mại khác là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài khác là thành viên, tổ chức tín dụng nước ngoài và ngân hàng thương mại không là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài không thành viên theo quy định hiện hành của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước.

2. Ngân hàng thương mại là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên được nhận ủy thác từ ngân hàng thương mại khác là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài khác là thành viên, tổ chức tín dụng nước ngoài theo quy định hiện hành của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước.

3. Ngân hàng thương mại là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên không được nhận ủy thác từ ngân hàng thương mại không là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài không là thành viên.

### Điều 75. Dịch vụ ngân quỹ; dịch vụ bảo quản tài sản, cho thuê tủ, két an toàn

1. Ngân hàng thương mại là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên được cung ứng dịch vụ ngân quỹ cho ngân hàng thương mại khác là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài khác là thành viên, ngân hàng thương mại không là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài không là thành viên theo quy định hiện hành của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước.

2. Ngân hàng thương mại là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên được cung ứng dịch vụ bảo quản tài sản, cho thuê tủ, két an toàn đối với thành viên, cá nhân, tổ chức ngoài lãnh thổ Việt Nam và cá nhân, tổ chức trên lãnh thổ Việt Nam không là thành viên theo quy định hiện hành của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

### Điều 76. Mua, bán trái phiếu doanh nghiệp

1. Ngân hàng thương mại là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên chỉ được mua trái phiếu doanh nghiệp phát hành bằng ngoại tệ (không bao gồm trái phiếu do ngân hàng thương mại là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên phát hành; trái phiếu do tổ chức tín dụng không là thành viên phát hành) từ thành viên, tổ chức trên lãnh thổ Việt Nam không là thành viên theo hướng dẫn của ngân hàng mẹ, phù hợp với quy định tại Nghị quyết Quốc hội, Nghị định này và các văn bản hướng dẫn có liên quan về Trung tâm tài chính.

2. Ngân hàng thương mại là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên mua, bán trái phiếu doanh nghiệp phát hành bằng ngoại ở nước ngoài theo quy định về đầu tư gián tiếp ra nước ngoài tại Mục 8 Chương IX Nghị định này.

3. Ngân hàng thương mại là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên chỉ được bán trái phiếu doanh nghiệp phát hành bằng ngoại tệ (không bao gồm trái phiếu do ngân hàng thương mại là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên phát hành; trái phiếu do tổ chức tín không là thành viên phát hành) cho thành viên theo hướng dẫn của ngân hàng mẹ, phù hợp với quy định tại Nghị quyết Quốc hội, Nghị định này và các văn bản hướng dẫn có liên quan về Trung tâm tài chính.

4. Khi thực hiện hoạt động mua, bán trái phiếu doanh nghiệp phát hành ở nước ngoài quy định tại khoản 2 Điều này, Ngân hàng thương mại là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên tuân thủ quy định về đầu tư gián tiếp ra nước ngoài và quản lý ngoại hối tại Mục 6, Mục 7, mục 8 Chương IX Nghị định này.

5. Ngân hàng thương mại là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên được mua, bán trái phiếu do ngân hàng thương mại khác là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài khác là thành viên phát hành theo quy định về chứng khoán trong Trung tâm tài chính quốc tế.

### Điều 77. Dịch vụ môi giới tiền tệ

Ngân hàng thương mại là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên được thực hiện hoạt động môi giới tiền tệ cho các ngân hàng thương mại là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên theo quy định hiện hành của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước. Ngân hàng thương mại là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên không thực hiện môi giới tiền tệ cho ngân hàng thương mại không là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài không là thành viên và tổ chức tín dụng nước ngoài.

### Điều 78. Tư vấn về hoạt động ngân hàng và hoạt động kinh doanh khác

Ngân hàng thương mại là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên được cung cấp dịch vụ tư vấn hoạt động ngân hàng và hoạt động kinh doanh khác bằng ngoại tệ quy định trong Giấy phép.

### Điều 79. Mua, bán trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu Chính quyền địa phương

1. Ngân hàng thương mại là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên được mua trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương theo hướng dẫn của Bộ Tài chính.

2. Ngân hàng thương mại là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên được bán trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương cho Chính phủ (trong trường hợp Chính phủ mua lại trước hạn), thành viên, cá nhân, tổ chức ngoài lãnh thổ Việt Nam theo hướng dẫn của Bộ Tài chính.

3. Ngân hàng thương mại là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên không được bán trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương cho cá nhân, tổ chức trên lãnh thổ Việt Nam không là thành viên.

### 4. Ngân hàng thương mại là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên mua, bán trái phiếu Chính phủ phát hành bằng ngoại tệ ở nước ngoài theo quy định về quản lý ngoại hối và đầu tư gián tiếp ra nước ngoài tại Mục 6, Mục 7 và Mục 8 Chương IX Nghị định này.

### Điều 80. Phát hành trái phiếu

1. Ngân hàng thương mại là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên được phát hành trái phiếu theo quy định về chứng khoán trong Trung tâm tài chính.

2. Ngân hàng thương mại là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên không được phát hành trái phiếu cho cá nhân, tổ chức trên lãnh thổ Việt Nam không là thành viên.

### Điều 81. Hoạt động mua, bán nợ phát sinh từ nghiệp vụ cho vay

1. Mua, bán nợ là thỏa thuận bằng văn bản về việc chuyển giao quyền đòi nợ đối với khoản nợ phát sinh từ nghiệp vụ cho vay, bao gồm cả khoản trả thay trong nghiệp vụ bảo lãnh, theo đó bên bán nợ chuyển giao quyền sở hữu khoản nợ cho bên mua nợ và nhận tiền thanh toán từ bên mua nợ.

2. Hoạt động mua nợ của ngân hàng thương mại là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên

a) Ngân hàng thương mại 100% vốn trong nước mua nợ bằng ngoại tệ của ngân hàng thương mại 100% vốn trong nước khác theo quy định hiện hành của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước.

b) Ngân hàng thương mại là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên khi mua nợ bằng ngoại tệ của tổ chức tín dụng không là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài không là thành viên theo quy định hiện hành của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước.

c) Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, ngân hàng thương mại là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên khi mua nợ bằng ngoại tệ của ngân hàng thương mại khác là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài khác là thành viên được lựa chọn áp dụng quy định pháp luật tại khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 222/2025/QH15 của Quốc hội.

3. Hoạt động bán nợ của ngân hàng thương mại là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên

a) Ngân hàng thương mại 100% vốn trong nước bán nợ bằng ngoại tệ cho ngân hàng thương mại 100% vốn trong nước theo quy định hiện hành của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước.

b) Ngân hàng thương mại là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên khi bán nợ bằng ngoại tệ cho cá nhân, tổ chức trên lãnh thổ Việt Nam không là thành viên theo quy định hiện hành của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước.

c) Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, ngân hàng thương mại là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên khi bán nợ bằng ngoại tệ cho thành viên khác thực hiện được lựa chọn áp dụng quy định pháp luật tại khoản 2 Điều 6 Nghị quyết số 222/2025/QH15 của Quốc hội.

d) Ngân hàng thương mại là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên khi bán nợ cho tổ chức, cá nhân ngoài lãnh thổ Việt Nam thực hiện theo quy định tại điểm c khoản này.

4. Đối với các khoản nợ có tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất, việc chuyển giao quyền, nghĩa vụ đối với biện pháp bảo đảm của khoản nợ phù hợp với quy định tại Điều 22 Nghị quyết số 222/2025/QH15 của Quốc hội.

### Điều 82. Các hoạt động không được phép thực hiện của ngân hàng thương mại là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên

1. Lưu ký chứng khoán;

2. Cung cấp dịch vụ bù trừ, thanh toán giao dịch chứng khoán;

3. Đầu tư hợp đồng tương lai trái phiếu Chính phủ;

4. Góp vốn, mua cổ phần;

5. Kinh doanh vàng;

6. Giao đại lý thanh toán, làm đại lý thanh toán;

7. Cung ứng các dịch vụ chuyển tiền, thu hộ, chi hộ và các dịch vụ thanh toán khác không qua tài khoản;

8. Ngân hàng giám sát.

9. Thành lập công ty con, công ty liên kết.

10. Tiền gửi tiết kiệm

11. Phát hành chứng chỉ tiền gửi.

12. Đại lý bảo hiểm

13. Đại lý quản lý tài sản bảo đảm cho bên cho vay là tổ chức tài chính quốc tế, tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

14. Chuyển nhượng toàn bộ vốn điều lệ của ngân hàng thương mại.

15. Tự doanh, ủy thác, nhận ủy thác đầu tư vào cổ phiếu trên thị trường quốc tế.

# Chương V

# CÁC HẠN CHẾ ĐỂ BẢO ĐẢM AN TOÀN HOẠT ĐỘNG ĐỐI VỚI NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI LÀ THÀNH VIÊN, CHI NHÁNH NGÂN HÀNG NƯỚC NGOÀI LÀ THÀNH VIÊN

### Điều 83. Những trường hợp không được cấp tín dụng

1. Ngân hàng thương mại 100% vốn trong nước không được cấp tín dụng đối với tổ chức, cá nhân sau đây:

a) Thành viên Hội đồng thành viên, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó giám đốc) và chức danh tương đương theo quy định tại Điều lệ của ngân hàng thương mại đó; Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó giám đốc) của chi nhánh ngân hàng nước ngoài đó; chủ sở hữu của ngân hàng thương mại 100% vốn trong nước;

b) Vợ, chồng, cha, mẹ, con, anh, chị, em của thành viên Hội đồng thành viên, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó giám đốc) và chức danh tương đương theo quy định tại Điều lệ của ngân hàng thương mại đó; Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó giám đốc) của chi nhánh ngân hàng nước ngoài đó.

2. Quy định tại khoản 1 Điều này không áp dụng đối với trường hợp cấp tín dụng dưới hình thức phát hành thẻ tín dụng cho cá nhân.

3. Ngân hàng thương mại 100% vốn trong nước không được cấp tín dụng cho khách hàng trên cơ sở bảo đảm của đối tượng quy định tại khoản 1 Điều này. Ngân hàng thương mại 100% vốn trong nước không được bảo đảm dưới bất kỳ hình thức nào để ngân hàng thương mại là thành viên khác, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên khác, tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức tín dụng không là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài không là thành viên cấp tín dụng cho đối tượng quy định tại khoản 1 Điều này.

4. Ngân hàng thương mại là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên không được cấp tín dụng để góp vốn, mua cổ phần của tổ chức tín dụng không là thành viên.

5. Việc cấp tín dụng quy định tại các khoản 1, 3 và 4 Điều này bao gồm cả hoạt động mua, nắm giữ, đầu tư vào trái phiếu doanh nghiệp.

6. Ngân hàng thương mại 100% vốn nước ngoài, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên có chủ sở hữu/ngân hàng mẹ áp dụng Chuẩn mực quốc tế về kế toán (IAS/IFRS) do Ủy ban Chuẩn mực kế toán quốc tế ban hành hoặc Các nguyên tắc kế toán được chấp nhận chung quy định tại điểm e khoản 1 Điều 11 Nghị quyết về Trung tâm tài chính (sau đây gọi là Chuẩn mực quốc tế về kế toán) tuân thủ những trường hợp không được cấp tín dụng theo chính sách của chủ sở hữu, ngân hàng mẹ, phù hợp với quy định tại Nghị quyết của Quốc hội, Nghị định này và các văn bản hướng dẫn có liên quan về Trung tâm tài chính.

7. Ngân hàng thương mại 100% vốn nước ngoài, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên có chủ sở hữu, ngân hàng mẹ không áp dụng Chuẩn mực quốc tế về kế toán phải tuân thủ quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 4 và khoản 5 Điều này.

### Điều 84. Hạn chế cấp tín dụng

1. Ngân hàng thương mại 100% vốn trong nước không được cấp tín dụng không có bảo đảm, cấp tín dụng với điều kiện ưu đãi cho tổ chức, cá nhân sau đây:

a) Tổ chức kiểm toán, kiểm toán viên đang kiểm toán tại ngân hàng thương mại 100% vốn trong nước đó; người ra quyết định thanh tra, thành viên Đoàn thanh tra, người giám sát hoạt động đoàn thanh tra đang thanh tra tại ngân hàng thương mại 100% vốn trong nước đó;

b) Kế toán trưởng của ngân hàng thương mại 100% vốn trong nước đó; Trưởng ban, thành viên khác của Ban kiểm soát.

c) Doanh nghiệp có một trong những đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 83 Nghị định này sở hữu trên 10% vốn điều lệ của doanh nghiệp đó;

d) Người thẩm định, xét duyệt cấp tín dụng ngân hàng thương mại 100% vốn trong nước đó, trừ trường hợp cấp tín dụng dưới hình thức phát hành thẻ tín dụng cho cá nhân;

2. Tổng mức dư nợ cấp tín dụng đối với các đối tượng quy định tại khoản 1 Điều này không được vượt quá 05% vốn tự có của ngân hàng thương mại 100% vốn trong nước.

3. Việc cấp tín dụng đối với đối tượng quy định tại khoản 1 Điều này phải được Hội đồng thành viên của ngân hàng thương mại 100% vốn trong nước thông qua, trừ việc cấp tín dụng đối với đối tượng quy định tại điểm d khoản 1 Điều này thực hiện theo quy định hiện hành của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước. Việc cấp tín dụng phải được công khai trong ngân hàng thương mại 100% vốn trong nước.

4. Tổng mức dư nợ cấp tín dụng quy định tại khoản 2 Điều này bao gồm cả tổng mức mua, nắm giữ, đầu tư vào trái phiếu do các đối tượng quy định tại các điểm a và c khoản 1 Điều này phát hành.

5. Ngân hàng thương mại 100% vốn nước ngoài, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên có chủ sở hữu, ngân hàng mẹ áp dụng Chuẩn mực quốc tế về kế toán tuân thủ hạn chế cấp tín dụng theo chính sách của chủ sở hữu, ngân hàng mẹ đang áp dụng.

6. Ngân hàng thương mại 100% vốn nước ngoài, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên có chủ sở hữu, ngân hàng mẹ không áp dụng Chuẩn mực quốc tế về kế toán phải tuân thủ quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3 và khoản 4 Điều này.

### Điều 85. Giới hạn cấp tín dụng

1. Tổng mức dư nợ cấp tín dụng đối với một khách hàng không được vượt quá 10% vốn tự có của ngân hàng thương mại 100% vốn trong nước; Tổng mức dư nợ cấp tín dụng đối với một khách hàng và người có liên quan của khách hàng đó không được vượt quá 15% vốn tự có của ngân hàng thương mại 100% vốn trong nước.

2. Tổng mức dư nợ cấp tín dụng quy định tại khoản 1 Điều này không bao gồm khoản cho vay từ nguồn vốn ủy thác của Chính phủ, tổ chức, cá nhân mà ngân hàng 100% vốn trong nước nhận ủy thác không chịu rủi ro hoặc trường hợp khách hàng vay là tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài khác.

3. Tổng mức dư nợ cấp tín dụng quy định tại khoản 1 Điều này bao gồm cả tổng mức mua, nắm giữ, đầu tư vào trái phiếu do khách hàng, người có liên quan của khách hàng đó phát hành.

4. Giới hạn và điều kiện cấp tín dụng để đầu tư, kinh doanh cổ phiếu, trái phiếu doanh nghiệp của ngân hàng thương mại 100% vốn trong nước thực hiện theo quy định hiện hành của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước.

5. Trường hợp nhu cầu vốn của một khách hàng, một khách hàng và người có liên quan của khách hàng đó vượt quá giới hạn cấp tín dụng quy định tại khoản 1 Điều này thì ngân hàng thương mại 100% vốn trong nước được cấp tín dụng hợp vốn theo quy định hiện hành của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước và không được cấp tín dụng vượt quá giới hạn sau khi đã thực hiện cấp tín dụng hợp vốn.

6. Hạn mức thẻ tín dụng đối với cá nhân quy định tại khoản 1 Điều 83 và điểm d khoản 1 Điều 84 Nghị định này được thực hiện theo quy định hiện hành của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước.

7. Ngân hàng thương mại 100% vốn nước ngoài, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên có chủ sở hữu, ngân hàng mẹ áp dụng Chuẩn mực quốc tế về kế toán thì ngân hàng thương mại 100% vốn nước ngoài, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên tuân thủ giới hạn cấp tín dụng, theo chính sách của chủ sở hữu, ngân hàng mẹ đang áp dụng không được cấp tín dụng vượt quá giới hạn sau khi đã thực hiện cấp tín dụng hợp vốn.

8. Trường hợp ngân hàng thương mại 100% vốn nước ngoài, chi nhánh ngân hàng nước là thành viên có chủ sở hữu, ngân hàng mẹ không áp dụng Chuẩn mực quốc tế về kế toán phải tuân thủ quy định tại khoản 1, 2, 3, 4, 5, và 6 Điều này.

### Điều 86. Tỷ lệ bảo đảm an toàn

1. Ngân hàng thương mại 100% vốn trong nước phải duy trì các tỷ lệ bảo đảm an toàn sau đây:

a) Tỷ lệ an toàn vốn theo quy định hiện hành của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước;

b) Tỷ lệ khả năng chi trả bằng đồng đô la Mỹ và các ngoại tệ khác được quy đổi sang đô la Mỹ theo quy định hiện hành của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước. Các cấu phần, các tỷ lệ áp dụng tương tự như đối với đồng Việt Nam theo quy định hiện hành của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước. Ngân hàng thương mại 100% vốn trong nước không phải tuân thủ tỷ lệ khả năng chi trả bằng đồng Việt Nam;

c) Các tỷ lệ bảo đảm an toàn khác theo quy định hiện hành của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước;

d) Trạng thái ngoại tệ tối đa so với vốn tự có theo quy định hiện hành của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước;

e) Ngân hàng thương mại 100% vốn trong nước không phải tuân thủ tỷ lệ mua, nắm giữ, đầu tư trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh theo quy định hiện hành của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước.

2. Ngân hàng thương mại 100% nước ngoài là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên áp dụng Chuẩn mực quốc tế về kế toán phải duy trì các tỷ lệ bảo đảm an toàn sau đây:

a) Tỷ lệ an toàn vốn, tỷ lệ đòn bẩy, tỷ lệ khả năng chi trả (LCR), tỷ lệ nguồn vốn ổn định ròng (NSFR) theo chính sách của chủ sở hữu, ngân hàng mẹ đang áp dụng.

b) Không phải tuân thủ tỷ lệ đầu tư trái phiếu Chính phủ theo quy định của pháp luật Việt Nam.

c) Trạng thái ngoại tệ tối đa so với vốn tự có theo quy định hiện hành của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước.

3. Ngân hàng thương mại 100% vốn nước ngoài, chi nhánh ngân hàng nước là thành viên có chủ sở hữu, ngân hàng mẹ không áp dụng Chuẩn mực quốc tế về kế toán phải tuân thủ quy định về tỷ lệ an toàn vốn, tỷ lệ khả năng chi trả và các tỷ lệ bảo đảm an toàn khác tại khoản 1 Điều này.

### Điều 87. Xử lý việc không đảm bảo tỷ lệ khả năng chi trả

Trường hợp tỷ lệ khả năng chi trả trong 30 ngày của ngày hôm sau của ngân hàng thương mại là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên không đảm bảo theo quy định tại Điều 86 Nghị định này, Cơ quan giám sát Trung tâm tài chính/Ngân hàng Nhà nước xem xét, xử lý theo quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng, đồng thời thực hiện giám sát về khả năng chi trả. Ngân hàng thương mại là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên phải áp dụng các biện pháp tự xử lý để đảm bảo tỷ lệ khả năng chi trả.

### Điều 88. Điều kiện, giới hạn cấp tín dụng để đầu tư, kinh doanh cổ phiếu, trái phiếu doanh nghiệp

1. Ngân hàng thương mại 100% vốn trong nước chỉ được cấp tín dụng để đầu tư, kinh doanh cổ phiếu, trái phiếu doanh nghiệp theo quy định hiện hành của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước.

2. Ngân hàng thương mại 100% vốn nước ngoài, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên có chủ sở hữu, ngân hàng mẹ áp dụng Chuẩn mực quốc tế về kế toán không phải tuân thủ điều kiện, giới hạn cấp tín dụng để đầu tư, kinh doanh cổ phiếu, trái phiếu doanh nghiệp.

3. Ngân hàngthương mại 100% vốn nước ngoài, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên có chủ sở hữu, ngân hàng mẹ không áp dụng Chuẩn mực quốc tế về kế toán phải tuân thủ điều kiện, giới hạn cấp tín dụng để đầu tư, kinh doanh cổ phiếu, trái phiếu doanh nghiệp theo quy định tại khoản 1 Điều này.

### Điều 89. Kinh doanh bất động sản

Ngân hàng thương mại là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên không được kinh doanh bất động sản, trừ trường hợp mua, đầu tư, sở hữu bất động sản để sử dụng làm trụ sở kinh doanh, địa điểm làm việc của ngân hàng thương mại là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên và đảm bảo tuân thủ tỷ lệ đầu tư vào tài sản cố định theo quy định tại khoản 3 Điều 144 của Luật Các tổ chức tín dụng.

### Điều 90. Yêu cầu bảo đảm an toàn giao dịch điện tử trong hoạt động ngân hàng

Ngân hàng thương mại là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên phải bảo đảm an toàn và bảo mật giao dịch điện tử trong hoạt động ngân hàng theo quy định hiện hành của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước và quy định của pháp luật về giao dịch điện tử áp dụng đối với ngân hàng thương mại không là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài không là thành viên.

# Chương VI

# TÀI CHÍNH, HẠCH TOÁN, BÁO CÁO

### Điều 91. Chế độ báo cáo thống kê

1. Cơ quan giám sát Trung tâm tài chính/ Ngân hàng Nhà nước quy định chế độ báo cáo thống kê áp dụng đối với các ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên Trung tâm tài chính, trừ trường hợp thực hiện chế độ báo cáo về hoạt động ngoại hối theo quy định tại Chương IX Nghị định này.

2. Cơ quan giám sát Trung tâm tài chính có trách nhiệm phối hợp, cung cấp cho Ngân hàng Nhà nước các thông tin báo cáo thống kê thu thập từ các ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên Trung tâm tài chính theo cơ chế phối hợp và chia sẻ thông tin hoặc trong trường hợp cần thiết.

### Điều 92. Hạch toán

1. Ngân hàng thương mại 100% vốn nước ngoài, chi nhánh ngân hàng nước ngoài áp dụng chuẩn mực kế toán theo chính sách của chủ sở hữu, ngân hàng mẹ đang áp dụng.

Trường hợp chủ sở hữu, ngân hàng mẹ không áp dụng Chuẩn mực quốc tế về kế toán (IAS/IFRS) do Ủy ban Chuẩn mực kế toán quốc tế ban hành hoặc Các nguyên tắc kế toán được chấp nhận chung quy định khoản 7 Điều 11 Nghị quyết về Trung tâm tài chính thì ngân hàng thương mại 100% vốn nước ngoài, chi nhánh ngân hàng nước ngoài áp dụng chuẩn mực kế toán theo quy định của pháp luật Việt Nam.

2. Ngân hàng thương mại 100% vốn trong nước thực hiện Chuẩn mực kế toán theo quy định của pháp luật Việt Nam.

# Chương VII

# XỬ LÝ NỢ XẤU VÀ TÀI SẢN BẢO ĐẢM

### Điều 93. Nợ xấu

Nợ xấu được áp dụng các quy định tại Chương này như sau:

1. Nợ xấu của ngân hàng thương mại 100% vốn trong nước bao gồm:

a) Nợ xấu của ngân hàng thương mại là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên là khoản nợ xấu đang hạch toán trong Báo cáo tình hình tài chính theo quy định hiện hành của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước;

b) Khoản nợ xấu đã sử dụng dự phòng rủi ro để xử lý nhưng chưa thu hồi được nợ và đang theo dõi ngoài Báo cáo tình hình tài chính;

2. Ngân hàng thương mại 100% vốn nước ngoài, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên có chủ sở hữu, ngân hàng mẹ áp dụng Chuẩn mực quốc tế về kế toán phải tuân thủ quy định về nợ xấu theo chính sách của chủ sở hữu, ngân hàng mẹ đang áp dụng.

3. Ngân hàng thương mại 100% vốn nước ngoài, chi nhánh ngân hàng nước là thành viên có chủ sở hữu, ngân hàng mẹ không áp dụng Chuẩn mực quốc tế về kế toán phải tuân thủ quy định về nợ xấu tại khoản 1 Điều này.

### Điều 94. Nguyên tắc xử lý nợ xấu

1. Việc xử lý nợ xấu phải được thực hiện trên cơ sở tôn trọng thỏa thuận giữa các bên liên quan theo cơ chế thị trường, công khai, minh bạch và tuân thủ quy định pháp luật mà các bên lựa chọn áp dụng.

2. Ngân hàng thương mại là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên và các bên có liên quan được quyền tự chủ trong việc lựa chọn phương thức xử lý nợ xấu, bao gồm: thu hồi nợ, cơ cấu lại khoản nợ, bán nợ, xử lý tài sản bảo đảm và các phương thức khác quy định pháp luật mà các bên lựa chọn áp dụng.

### Điều 95. Nguyên tắc xử lý tài sản bảo đảm

1. Việc xử lý tài sản bảo đảm phải thực hiện theo quy định của pháp luật mà các bên lựa chọn áp dụng, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Việc xử lý tài sản bảo đảm là bất động sản, các bên có liên quan thực hiện theo quy định pháp luật của nước nơi có bất động sản.

# Chương VIII

# THU HỒI GIẤY PHÉP, GIẢI THỂ, PHÁ SẢN VÀ THANH LÝ TÀI SẢN

### Điều 96. Các trường hợp ngân hàng thương mại là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên gặp sự cố

Ngân hàng thương mại là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên gặp sự cố khi thuộc một hoặc một số trường hợp sau đây:

1. Số lỗ lũy kế của ngân hàng thương mại là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên lớn hơn 15% giá trị của vốn điều lệ và các quỹ ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất hoặc theo kết luận thanh tra, kiểm toán của cơ quan nhà nước có thẩm quyền và vi phạm tỷ lệ an toàn vốn.

2. Vi phạm tỷ lệ khả năng chi trả trong thời gian 30 ngày liên tục.

3. Vi phạm tỷ lệ an toàn vốn trong thời gian 06 tháng liên tục.

4. Bị rút tiền hàng loạt và có báo cáo gửi cơ quan có thẩm quyền. Rút tiền hàng loạt là việc ngân hàng thương mại là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên bị nhiều người gửi tiền cùng rút tiền dẫn đến:

a) Có nguy cơ mất khả năng chi trả khi thiếu hụt tài sản có tính thanh khoản cao ở mức 20% trở lên tại thời điểm tính tỷ lệ khả năng chi trả dẫn đến không duy trì được tỷ lệ khả năng chi trả trong thời gian 30 ngày liên tục.

b) Mất khả năng chi trả khi không có khả năng thực hiện thanh toán nghĩa vụ nợ trong thời gian 01 tháng kể từ ngày đến hạn thanh toán.

### Điều 97. Trách nhiệm của chủ sở hữu, ngân hàng mẹ khi ngân hàng thương mại là thành viên và chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên gặp sự cố

1. Chủ sở hữu, ngân hàng mẹ phải thực hiện hỗ trợ ngân hàng thương mại là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên khắc phục tình trạng dẫn đến sự cố quy định tại Điều 96 Nghị định này trong thời hạn 3 tháng kể từ ngày xảy ra sự cố.

2. Hết thời hạn hỗ trợ của chủ sở hữu, ngân hàng mẹ quy định tại khoản 1 Điều này mà ngân hàng thương mại là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên không khắc phục được tình trạng dẫn đến sự cố thì phải giải thể, chấm dứt hoạt động, thanh lý tài sản theo quy định tại Nghị định này.

3. Phá sản khi không có khả năng thanh toán các khoản nợ đã đến hạn trong vòng 3 tháng.

4. Đối với chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên, trong quá trình thanh lý tài sản, nếu chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên không có khả năng thanh toán hết các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác, ngân hàng mẹ có nghĩa vụ thực hiện cam kết theo quy định tại Điều 23 Nghị định này.

5. Chủ sở hữu, ngân hàng mẹ có trách nhiệm phê duyệt phương án dự kiến khắc phục sự cố do ngân hàng thương mại là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên xây dựng trong thời hạn 01 năm kể từ ngày được cấp Giấy phép; phê duyệt phương án dự kiến khắc phục sự cố được cập nhật định kỳ hằng năm hoặc đột xuất.

### Điều 98. Giải thể, chấm dứt hoạt động

Cơ quan có thẩm quyền thực hiện giải thể, chấm dứt hoạt động của ngân hàng thương mại là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên trong trường hợp sau đây:

1. Không đề nghị gia hạn hoặc đề nghị gia hạn nhưng không được chấp thuận bằng văn bản khi hết thời hạn hoạt động.

2. Bị thu hồi Giấy phép.

3. Tự nguyện giải thể nếu có khả năng thanh toán hết nợ và được chấp thuận bằng văn bản.

4. Gặp sự cố và không khắc phục được tình trạng dẫn đến sự cố sau khi được chủ sở hữu, ngân hàng mẹ hỗ trợ trong thời hạn 03 tháng kể từ ngày xảy ra sự cố.

### Điều 99. Thanh lý tài sản trong trường hợp giải thể, chấm dứt hoạt động

1. Khi giải thể, chấm dứt hoạt động theo quy định tại Nghị định này, ngân hàng thương mại là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên phải tiến hành thanh lý tài sản dưới sự giám sát của cơ quan có thẩm quyền.

2. Trong quá trình giám sát thanh lý tài sản, nếu phát hiện ngân hàng thương mại là thành viên không có khả năng thanh toán đầy đủ các khoản nợ, cơ quan có thẩm quyền quyết định chấm dứt thanh lý tài sản. Ngân hàng thương mại là thành viên phải nộp đơn yêu cầu Tòa án mở thủ tục phá sản theo quy định tại Nghị định này.

3. Ngân hàng thương mại là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên bị thanh lý tài sản có trách nhiệm thanh toán các chi phí liên quan đến việc thanh lý tài sản.

4. Đối với chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên, trong quá trình thanh lý tài sản, nếu chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên không có khả năng thanh toán hết các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác, ngân hàng mẹ có nghĩa vụ thực hiện cam kết theo quy định tại Điều 23 Nghị định này.

### Điều 100. Thu hồi Giấy phép

Cơ quan có thẩm quyền thu hồi Giấy phép trong các trường hợp sau đây:

1. Hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép có thông tin gian lận để có đủ điều kiện được cấp Giấy phép.

2. Ngân hàng thương mại là thành viên bị giải thể, phá sản; chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên bị giải thể.

3. Ngân hàng thương mại là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên hoạt động không đúng nội dung quy định trong Giấy phép.

4. Ngân hàng thương mại là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên vi phạm nghiêm trọng quy định của pháp luật về tỷ lệ bảo đảm an toàn hoạt động.

5. Ngân hàng thương mại là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ quyết định xử lý của cơ quan có thẩm quyền để bảo đảm an toàn trong hoạt động ngân hàng.

6. Ngân hàng mẹ của chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên bị giải thể, phá sản hoặc bị cơ quan có thẩm quyền của nước nơi ngân hàng mẹ đặt trụ sở chính thu hồi Giấy phép hoặc đình chỉ hoạt động.

### Điều 101. Phá sản ngân hàng thương mại là thành viên

1. Ngân hàng thương mại là thành viên mất khả năng thanh toán phải nộp đơn yêu cầu Tòa án mở thủ tục phá sản theo quy định của pháp luật về phá sản. Ngân hàng thương mại là thành viên mất khả năng thanh toán khi không có khả năng thực hiện thanh toán nghĩa vụ nợ trong thời gian 03 tháng kể từ ngày nghĩa vụ nợ đến hạn thanh toán.

2. Trong quá trình giám sát thanh lý tài sản của ngân hàng thương mại là thành viên bị giải thể, nếu phát hiện ngân hàng thương mại là thành viên không có khả năng thanh toán đầy đủ các khoản nợ, cơ quan có thẩm quyền quyết định chấm dứt thanh lý tài sản. Ngân hàng thương mại là thành viên phải nộp đơn yêu cầu Tòa án mở thủ tục phá sản theo quy định của pháp luật về phá sản.

3. Sau khi Thẩm phán chỉ định Quản tài viên hoặc doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản, cơ quan có thẩm quyền thu hồi Giấy phép của ngân hàng thương mại là thành viên.

# CHƯƠNG IX

# QUẢN LÝ NGOẠI HỐI

## Mục 1

## QUY ĐỊNH CHUNG

### Điều 102. Nguyên tắc mở và sử dụng tài khoản thanh toán bằng ngoại tệ trong hoạt động ngoại hối

1. Thành viên không phải là ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, nhà đầu tư nước ngoài được mở và sử dụng các tài khoản thanh toán bằng ngoại tệ tại ngân hàng thương mại là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên theo quy định tại Điều 62 Nghị định này và quy định tại Điều này.

2. Thành viên không phải là ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài chỉ được sử dụng 01 tài khoản thanh toán bằng ngoại tệ (mỗi loại ngoại tệ có thể mở 01 tài khoản tại một ngân hàng thương mại là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên) để thực hiện các hoạt động sau (sau đây gọi là tài khoản vốn):

a) Vay vốn từ cá nhân, tổ chức ngoài lãnh thổ Việt Nam;

b) Cho vay đối với bên đi vay trong nước;

c) Đầu tư trực tiếp ra nước ngoài, đầu tư gián tiếp ra nước ngoài;

d) Đầu tư từ Trung tâm tài chính vào phần còn lại của Việt Nam

3. Thành viên không phải là ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được mở và sử dụng các tài khoản thanh toán bằng ngoại tệ tại các ngân hàng thương mại là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên để thực hiện các hoạt động ngoại hối ngoài các hoạt động quy định tại khoản 2 Điều này.

4. Nhà đầu tư nước ngoài chỉ được sử dụng 01 tài khoản thanh toán bằng ngoại tệ để thực hiện các giao dịch đầu tư nước ngoài vào trung tâm tài chính, đầu tư từ trung tâm tài chính vào phần còn lại của Việt Nam.

5. Nhà đầu tư nước ngoài được mở và sử dụng các tài khoản thanh toán bằng ngoại tệ tại các ngân hàng thương mại là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên để thực hiện các hoạt động ngoại hối ngoài các hoạt động quy định tại khoản 4 Điều này theo quy định tại Điều 105 Nghị định này.

6. Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quy định chi tiết việc sử dụng tài khoản thanh toán bằng ngoại tệ quy định tại khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều này.

### Điều 103. Nguyên tắc minh bạch dòng tiền

1.Thành viên Trung tâm tài chính quốc tế, nhà đầu tư nước ngoài và các bên liên quan trong các giao dịch chuyển tiền thực hiện hoạt động nêu tại khoản 2 và khoản 3 Điều 102 có trách nhiệm ghi rõ mục đích của giao dịch chuyển tiền để ngân hàng thương mại là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên cung ứng dịch vụ tài khoản có cơ sở đối chiếu, kiểm tra, lưu giữ chứng từ và thực hiện giao dịch.

2. Việc ghi rõ mục đích chuyển tiền theo quy định tại khoản 1 phải đảm bảo lệnh chuyển tiền cần có các thông tin cơ bản để làm cơ sở xác định giao dịch.

3. Thống đốc Ngân hàng Nhà nước hướng dẫn chi tiết Điều này.

## Mục 2

## QUY ĐỊNH VỀ SỬ DỤNG NGOẠI TỆ CỦA CÁC THÀNH VIÊN

### Điều 104. Quy định về sử dụng ngoại tệ của thành viên

1. Ngân hàng thương mại là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên được thực hiện giao dịch thanh toán, chuyển tiền, niêm yết, quảng cáo, báo giá, định giá, ghi giá bằng ngoại tệ đối với các hoạt động, dịch vụ cung cấp cho thành viên khác, cá nhân, tổ chức trên lãnh thổ Việt Nam không là thành viên và cá nhân, tổ chức ngoài lãnh thổ Việt Nam theo quy định tại Giấy phép và phạm vi hoạt động quy định tại Chương IV Nghị định này.

2. Thành viên không phải là ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thực hiện giao dịch thanh toán, chuyển tiền, niêm yết, quảng cáo, báo giá, định giá, ghi giá bằng ngoại tệ đối với các hoạt động, dịch vụ cung cấp cho thành viên khác và cá nhân, tổ chức ngoài lãnh thổ Việt Nam.

3. Thành viên không phải là ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài không được thực hiện giao dịch thanh toán, chuyển tiền, niêm yết, quảng cáo, báo giá, định giá, ghi giá bằng ngoại tệ đối với các hoạt động, dịch vụ với cá nhân, tổ chức trên lãnh thổ Việt Nam không là thành viên, trừ các trường hợp được phép theo quy định hiện hành của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về sử dụng ngoại hối trên lãnh thổ Việt Nam.

4. Việc thanh toán bằng ngoại tệ giữa các thành viên quy định tại khoản 2 Điều này phải thực hiện thông qua tài khoản thanh toán bằng ngoại tệ của thành viên không phải là ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài mở tại thành viên là ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

### Điều 105. Mở và sử dụng tài khoản thanh toán bằng ngoại tệ của thành viên không là ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài

1. Việc mở và sử dụng tài khoản thanh toán bằng ngoại tệ của thành viên không là ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại ngân hàng thương mại là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên thực hiện theo quy định tại Điều 102 Nghị định này.

2. Thành viên không là ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được mở và sử dụng tài khoản thanh toán bằng ngoại tệ tạicác ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được phép trên lãnh thổ Việt Nam không là thành viên theo quy định hiện hành của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

3. Thành viên không phải là ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được mở và sử dụng tài khoản thanh toán bằng ngoại tệ ở nước ngoài để thực hiện các hoạt động, dịch vụ với cá nhân, tổ chức ngoài lãnh thổ Việt Nam, không phải thực hiện thủ tục hành chính liên quan đến việc cấp phép mở và sử dụng tài khoản thanh toán ngoại tệ ở nước ngoài.

### Điều 106. Mở và sử dụng tài khoản thanh toán bằng ngoại tệ của cá nhân, tổ chức ngoài lãnh thổ Việt Nam và cá nhân, tổ chức trên lãnh thổ Việt Nam không là thành viên tại ngân hàng thương mại là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên

Việc mở và sử dụng tài khoản thanh toán bằng ngoại tệ của cá nhân, tổ chức ngoài lãnh thổ Việt Nam và cá nhân, tổ chức trên lãnh thổ Việt Nam không phải thành viên mở tại ngân hàng thương mại là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên thực hiện theo quy định hiện hành của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước.

## Mục 3

## QUY ĐỊNH QUẢN LÝ NGOẠI HỐI ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG VAY CỦA THÀNH VIÊN

### Điều 107. Nguyên tắc vay vốn từ cá nhân, tổ chức ngoài lãnh thổ Việt Nam

1. Thành viên được vay vốn bằng ngoại tệ từ cá nhân, tổ chức ngoài lãnh thổ Việt Nam.

2. Khi vay vốn từ cá nhân, tổ chức ngoài lãnh thổ Việt Nam, Thành viên phải thực hiện khai báo thông tin và tuân thủ chế độ báo cáo theo hướng dẫn của Thống đốc Ngân hàng nhà nước Việt Nam.

## Mục 4

## QUY ĐỊNH QUẢN LÝ NGOẠI HỐI ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG CHO VAY CỦA THÀNH VIÊN

### Điều 108. Nguyên tắc cho vay ra nước ngoài

1. Thành viên do nhà đầu tư nước ngoài sở hữu 100% vốn điều lệ được cho cá nhân, tổ chức ngoài lãnh thổ Việt Nam vay vốn. Khi cho vay đối với cá nhân, tổ chức ngoài lãnh thổ Việt Nam, thành viên do nhà đầu tư nước ngoài sở hữu 100% vốn điều lệ phải thực hiện khai báo thông tin và tuân thủ chế độ báo cáo quy định tại Nghị định này và quy định của Thống đốc Ngân hàng nhà nước.

2. Thành viên không do nhà đầu tư nước ngoài sở hữu 100% vốn điều lệ phải tuân thủ quy định về quản lý ngoại hối đối với việc cho vay ra nước quy định tại Nghị định này và thủ tục đăng ký khoản cho vay ra nước ngoài theo quy định của Thống đốc Ngân hàng nhà nước.

### Điều 109. Điều kiện cho vay cá nhân, tổ chức ngoài lãnh thổ Việt Nam đối với Bên cho vay là thành viên không do nhà đầu tư nước ngoài sở hữu 100% vốn điều lệ

1. Bên cho vay là ngân hàng thương mại 100% vốn trong nước được cho vay đối với Bên đi vay là các đối tượng:

a) Tổ chức kinh tế thành lập và hoạt động ngoài lãnh thổ Việt Nam có trên 10% phần vốn góp của thành viên hoặc của doanh nghiệp tại Việt Nam không là thành viên.

b) Tổ chức kinh tế được thành lập và hoạt động ngoài lãnh thổ Việt Nam do doanh nghiệp thuộc đối tượng quy định tại điểm a khoản 1 Điều này có trên 10% cổ phần, phần vốn góp.

2. Bên cho vay không phải là ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được cho vay đối với Bên đi vay là Tổ chức kinh tế thành lập và hoạt động ngoài lãnh thổ Việt Nam có trên 10% vốn góp của Bên cho vay hoặc của công ty mẹ của Bên cho vay trên lãnh thổ Việt Nam.

3. Giới hạn dư nợ cho vay tối đa bằng mức vốn huy động của dự án đầu tư ra nước ngoài của Bên đi vay theo ghi nhận tại Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư ra nước ngoài hoặc văn bản có giá trị pháp lý tương đương do cơ quan có thẩm quyền của nước tiếp nhận vốn đầu tư quy định và không vượt quá 3 lần vốn chủ sở hữu của Thành viên được ghi nhận tại báo cáo tài chính được kiểm toán gần nhất hoặc vốn điều lệ hoặc vốn được cấp của Thành viên trong trường hợp Thành viên mới thành lập và chưa có báo cáo tài chính được kiểm toán.

4. Ngân hàng thương mại 100% vốn trong nước đáp ứng tỷ lệ bảo đảm an toàn theo quy định tại Nghị định này.

5. Thành viên không do nhà đầu tư nước ngoài sở hữu 100% vốn điều lệ không thuộc khoản 4 Điều này đáp ứng tỷ lệ an toàn tài chính theo văn bản hướng dẫn Nghị quyết về Trung tâm tài chính (nếu có).

6. Hoàn thành nghĩa vụ thuế với ngân sách nhà nước (trừ trường hợp năm đầu thành lập).

### Điều 110. Nguyên tắc cho vay đối với Bên đi vay trong nước

1. Thành viên được cho vay bằng ngoại tệ đối với Bên đi vay trong nước.

2. Bên đi vay trong nước phải tuân thủ quy định về điều kiện vay quy định tại Điều 111 Nghị định này, quy định về thủ tục đăng ký, đăng ký thay đổi khoản vay, thủ tục khai báo khoản vay, chế độ báo cáo quy định tại Nghị định này và quy định của Thống đốc Ngân hàng nhà nước.

### Điều 111. Điều kiện vay từ Thành viên áp dụng đối với Bên đi vay trong nước

Bên đi vay trong nước được vay vốn từ Thành viên phải đảm bảo đáp ứng các điều kiện sau:

1. Trường hợp thực hiện khoản vay dưới 12 tháng, bên đi vay trong nước (trừ bên đi vay là tổ chức tín dụng không là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài không là thành viên) phải thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro tỷ giá tại thời điểm rút vốn hoặc đảm bảo nguồn ngoại tệ tự có để trả nợ vay, phải khai báo khoản vay theo quy định của Thống đốc Ngân hàng nhà nước.

2. Đồng tiền nhận nợ, rút vốn, trả nợ là ngoại tệ. Bên đi vay trong nước được phép trả nợ thông qua hình thức chuyển đổi dư nợ thành cổ phần hoặc phần vốn góp trong bên đi vay trong nước; Bên đi vay trong nước và thành viên được thỏa thuận hoán đổi dư nợ vay thành cổ phần hoặc phần vốn góp thuộc sở hữu của bên đi vay trong nước hoặc thanh toán bù trừ các khoản phải thu trực tiếp với thành viên.

3. Bên đi vay trong nước sử dụng vốn vay cho các mục đích vay sau:

a) Đối với bên đi vay không phải là ngân hàng thương mại trên lãnh thổ Việt Nam không là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài trên lãnh thổ Việt Nam không là thành viên, mục đích vay nhằm thực hiện dự án đầu tư, kế hoạch sản xuất, kinh doanh, cơ cấu lại khoản nợ nước ngoài và khoản nợ Thành viên.

Dự án đầu tư quy định tại khoản này phải được cấp có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận đầu tư, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư theo quy định hiện hành của pháp luật về đầu tư và các quy định của pháp luật có liên quan.

Kế hoạch sản xuất, kinh doanh quy định tại khoản này phải phù hợp với phạm vi hoạt động được phép của bên đi vay và lập thành văn bản trong đó chứng minh mục đích, nhu cầu vay hợp pháp, hợp lý của bên đi vay và phải được cấp có thẩm quyền phê duyệt phù hợp với quy định tại [Luật Đầu tư](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Doanh-nghiep/Luat-Dau-tu-so-61-2020-QH14-321051.aspx), [Luật Doanh nghiệp](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Doanh-nghiep/Luat-Doanh-nghiep-so-59-2020-QH14-427301.aspx), [Luật Các tổ chức tín dụng](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Tien-te-Ngan-hang/Luat-cac-to-chuc-tin-dung-2010-108079.aspx), [Luật hợp tác xã](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Doanh-nghiep/Luat-hop-tac-xa-2012-23-2012-QH13-152716.aspx), điều lệ của bên đi vay trong nước và các quy định của pháp luật có liên quan.

b) Bên đi vay trong nước là tổ chức tín dụng không là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài không là thành viên phải sử dụng vốn vay cho các mục đích vay sau:

(i) Phục vụ hoạt động cấp tín dụng của bên đi vay trong đó tối thiểu 50% giá trị khoản vay được sử dụng để cho vay lại các lĩnh vực ưu tiên xác định theo các quy định của pháp luật hiện hành hoặc các văn bản chỉ đạo của Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

Trường hợp vay trung dài hạn, Bên đi vay trong nước phải xây dựng kế hoạch sử dụng vốn vay bằng văn bản trong đó xác định giá trị dự kiến phân bổ vốn vay cho các lĩnh vực ưu tiên, làm rõ căn cứ xác định lĩnh vực ưu tiên.

(ii) Cơ cấu lại khoản nợ nước ngoài và khoản nợ thành viên.

(iii) Phục vụ hoạt động kinh doanh phù hợp với phạm vi hoạt động được phép của Bên đi vay trong nước trong trường hợp vay ngắn hạn từ Ngân hàng thương mại là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên.

4. Bên đi vay trong nước phải đáp ứng giới hạn vay vốn từ Thành viên như sau:

a) Đối với bên đi vay trong nước không phải là tổ chức tín dụng không là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài không là thành viên:

i) Đối với mục đích vay để thực hiện dự án đầu tư: Bên đi vay phải đảm bảo tổng dư nợ vay trung dài hạn để thực hiện dự án đầu tư (bao gồm dư nợ vay trung dài hạn trong nước, dư nợ vay trung dài hạn nước ngoài và dư nợ vay trung dài hạn từ thành viên) không vượt quá phần chênh lệch giữa tổng vốn đầu tư của dự án đầu tư và vốn góp ghi nhận tại Giấy chứng nhận đầu tư, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư.

ii) Đối với mục đích vay để thực hiện kế hoạch sản xuất, kinh doanh: Bên đi vay phải đảm bảo hệ số nợ phải trả (bao gồm giá trị khoản vay dự kiến thực hiện nhưng không bao gồm các khoản nợ để thực hiện dự án đầu tư trong trường hợp bên đi vay có dự án đầu tư) không vượt quá 5 lần vốn chủ sở hữu của bên đi vay theo báo cáo tài chính được kiểm toán gần nhất. Trường hợp pháp luật chuyên ngành quy định tỷ lệ giới hạn khác thì bên đi vay phải tuân thủ quy định của pháp luật chuyên ngành.

iii) Đối với mục đích vay để cơ cấu khoản nợ nước ngoài: số tiền vay phục vụ mục đích cơ cấu lại khoản nợ nước ngoài và khoản nợ thành viên tối đa không vượt quá tổng giá trị dư nợ gốc, số tiền lãi, phí chưa thanh toán của khoản nợ nước ngoài hiện hữu và phí của khoản vay mới được xác định tại thời điểm cơ cấu.

b) Bên đi vay là ngân hàng thương mại không là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài không là thành viên phải đáp ứng giới hạn vay vốn ngắn hạn từ Thành viên như sau:

Tỷ lệ tối đa tổng dư nợ gốc của các khoản vay ngắn hạn nước ngoài tính trên vốn tự có riêng lẻ, áp dụng với các đối tượng cụ thể như sau:

(i) 30% đối với ngân hàng thương mại không là thành viên;

(ii) 150% đối với chi nhánh ngân hàng nước ngoài không là thành viên, tổ chức tín dụng khác không là thành viên.

5. Bên đi vay trong nước phải đáp ứng tỷ lệ bảo đảm an toàn, tỷ lệ an toàn tài chính theo pháp luật chuyên ngành (nếu có) như sau:

a) Tại thời điểm cuối mỗi tháng trong giai đoạn 3 tháng liền trước ngày ký thoả thuận vay (áp dụng chung cho mọi khoản vay).

b) Trường hợp vay trung dài hạn, ngoài việc đáp ứng giai đoạn tại điểm a khoản này, bên đi vay phải đáp ứng tỷ lệ bảo đảm an toàn, tỷ lệ an toàn tài chính cho tới khi nộp hồ sơ đăng ký khoản vay đầy đủ hợp lệ.

### Điều 112. Thủ tục khai báo, đăng ký, đăng ký thay đổi, báo cáo khoản vay từ Thành viên của Bên đi vay trong nước

1. Bên đi vay trong nước phải khai báo, đăng ký, đăng ký thay đổi khoản vay và báo cáo khoản vay từ Thành viên với cơ quan có thẩm quyền theo quy định hiện hành của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

2. Cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận thông tin khai báo, báo cáo và thực hiện xác nhận đăng ký, đăng ký thay đổi khoản vay quy định tại khoản 1 Điều này được quy định như sau:

a) Ngân hàng Nhà nước Việt Nam trong thời gian 05 năm đầu tiên kể từ thời điểm thành lập Trung tâm Tài chính quốc tế.

b) Cơ quan giám sát Trung tâm tài chính quốc tế từ năm thứ 6 kể từ thời điểm thành lập Trung tâm tài chính quốc tế.

## Mục 5

## QUẢN LÝ NGOẠI HỐI ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI VÀO TRUNG TÂM TÀI CHÍNH QUỐC TẾ

### Điều 113. Giao dịch chuyển tiền liên quan đến hoạt động đầu tư nước ngoài vào Trung tâm tài chính quốc tế

1. Các giao dịch chuyển vốn đầu tư nước ngoài vào Trung tâm tài chính quốc tế; chuyển vốn đầu tư, lợi nhuận và các khoản thu hợp pháp từ Trung tâm tài chính quốc tế ra nước ngoài của nhà đầu tư nước ngoài phải thực hiện thông qua tài khoản thanh toán bằng ngoại tệ của nhà đầu tư nước ngoài mở tại ngân hàng thương mại là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên.

2. Các khoản thu hợp pháp của nhà đầu tư nước ngoài từ hoạt động đầu tư nước ngoài vào Trung tâm tài chính quốc tế được sử dụng để tái đầu tư, chuyển ra nước ngoài. Trường hợp nguồn thu là đồng Việt Nam được chuyển đổi ra ngoại tệ tại ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động trong Trung tâm tài chính quốc tế để chuyển ra nước ngoài.

3. Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quy định chi tiết các giao dịch thu, chi trên tài khoản thanh toán bằng ngoại tệ của nhà đầu tư nước ngoài liên quan đến hoạt động đầu tư nước ngoài vào Trung tâm tài chính quốc tế.

## Mục 6 QUẢN LÝ NGOẠI HỐI ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ TỪ TRUNG TẦM TÀI CHÍNH QUỐC TẾ RA NƯỚC NGOÀI CỦA THÀNH VIÊN DO NHÀ ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI SỞ HỮU 100 % VỐN ĐIỀU LỆ

### Điều 114. Nguyên tắc về quản lý ngoại hối

Thành viên do nhà đầu tư nước ngoài sở hữu 100% vốn điều lệ không phải tuân thủ các quy định về đăng ký giao dịch ngoại hối liên quan đến hoạt động đầu tư ra nước ngoài nhưng phải thực hiện qua tài khoản thanh toán bằng ngoại tệ (tài khoản vốn) của Thành viên quy định tại khoản 2 Điều 102 và chế độ báo cáo quy định tại Nghị định này và hướng dẫn của Thống đốc Ngân hàng nhà nước.

## Mục 7 QUẢN LÝ NGOẠI HỐI ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ TỪ TRUNG TẦM TÀI CHÍNH QUỐC TẾ RA NƯỚC NGOÀI CỦA THÀNH VIÊN KHÔNG DO NHÀ ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI SỞ HỮU 100% VỐN ĐIỀU LỆ

### Điều 115. Đối với hoạt động đầu tư trực tiếp ra nước ngoài

1. Sau khi được phép đầu tư trực tiếp ra nước ngoài theo quy định của Chính phủ về đầu tư từ Trung tâm tài chính quốc tế ra nước ngoài và trước khi thực hiện chuyển vốn đầu tư trực tiếp ra nước ngoài, thành viên phải:

a) Thực hiện các giao dịch chuyển vốn ra nước ngoài, chuyển vốn đầu tư gốc, lợi nhuận và khoản thu hợp pháp từ nước ngoài về Trung tâm tài chính quốc tế thông qua tài khoản vốn quy định tại khoản 2 Điều 102 Nghị định này;

b) Đăng ký giao dịch ngoại hối liên quan đến hoạt động đầu tư trực tiếp ra nước ngoài với cơ quan có thẩm quyền.

2. Cơ quan có thẩm quyền thực hiện xác nhận đăng ký hoặc đăng ký thay đổi giao dịch ngoại hối liên quan đến hoạt động đầu tư trực tiếp ra nước ngoài của thành viên.

3. Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quy định chi tiết về khoản 1, khoản 2 Điều này.

### Điều 116. Đối với hoạt động đầu tư gián tiếp ra nước ngoài

1. Sau khi được phép đầu tư gián tiếp ra nước ngoài theo quy định của Chính phủ và trước khi thực hiện chuyển vốn đầu tư gián tiếp ra nước ngoài, thành viên phải thực hiện:

a) Mở tài khoản vốn tại 01 ngân hàng thương mại là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên để thực hiện các giao dịch thu, chi liên quan đến các hoạt động tự doanh, nhận ủy thác đầu tư gián tiếp ra nước ngoài;

b) Đăng ký giao dịch ngoại hối liên quan đến hoạt động tự doanh, nhận ủy thác đầu tư gián tiếp ra nước ngoài với cơ quan có thẩm quyền theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước.

2. Trước khi thực hiện ủy thác đầu tư gián tiếp ra nước ngoài, thành viên phải thực hiện công bố thông tin trên trang thông tin điện tử của thành viên về việc đáp ứng điều kiện để thực hiện ủy thác đầu tư gián tiếp ra nước ngoài; Báo cáo Cơ quan điều hành Trung tâm tài chính quốc tế, Cơ quan giám sát Trung tâm tài chính quốc tế và Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về việc đã công bố thông tin đáp ứng điều kiện để thực hiện hoạt động ủy thác đầu tư gián tiếp ra nước ngoài.

3. Thành viên tự chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của các nội dung đăng ký giao dịch ngoại hối và công bố thông tin quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này.

4. Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định chi tiết về khoản 1, khoản 2 Điều này.

## Mục 8

## ĐIỀU KIỆN ĐỂ THỰC HIỆN ĐẦU TƯ GIÁN TIẾP RA NƯỚC NGOÀI CỦA NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI LÀ THÀNH VIÊN, CHI NHÁNH NGÂN HÀNG NƯỚC NGOÀI LÀ THÀNH VIÊN

### Điều 117. Điều kiện để thực hiện hoạt động tự doanh đầu tư gián tiếp ra nước ngoài

1. Ngân hàng thương mại 100% vốn nước ngoài, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên không phải thực hiện các quy định về điều kiện để được thực hiện tự doanh đầu tư gián tiếp ra nước ngoài quy định tại khoản 2 Điều này, nhưng phải thực hiện các quy định về khai báo, công bố thông tin, mở và sử dụng tài khoản và chế độ báo cáo quy định tại Nghị định này.

2. Ngân hàng thương mại 100% vốn trong nước chỉ được thực hiện hoạt động tự doanh đầu tư gián tiếp ra nước ngoài khi đáp ứng các điều kiện sau:

a) Được cấp phép thực hiện hoạt động tự doanh đầu tư gián tiếp ra nước ngoài theo quy định tại khoản 3 Điều này.

b) Tuân thủ quy định về tỷ lệ đầu tư an toàn, nguồn vốn để tự doanh đầu tư gián tiếp ra nước ngoài trong quá trình thực hiện quy định tại khoản 4, khoản 5 Điều này.

3. Ngân hàng thương mại 100% vốn trong nước phải đáp ứng các điều kiện sau để được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư gián tiếp ra nước ngoài hoặc văn bản xác nhận đáp ứng điều kiện thực hiện tự doanh đầu tư gián tiếp ra nước ngoài:

a) Có lãi trong năm liền kề trước năm thực hiện đầu tư gián tiếp ra nước ngoài được thể hiện trên báo cáo tài chính đã được kiểm toán độc lập và không có ý kiến ngoại trừ trọng yếu theo quy định hiện hành của Bộ Tài chính;

b) Không có nợ thuế với ngân sách nhà nước trong 01 năm liền trước năm thực hiện đầu tư gián tiếp ra nước ngoài (trừ trường hợp năm đầu thành lập).

c) Tuân thủ quy định tại Nghị định này về các giới hạn, tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động ngân hàng tại Chương V Nghị định này.

d. Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quy định cụ thể về hồ sơ, trình tự, thủ tục cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư gián tiếp ra nước ngoài hoặc văn bản xác nhận đáp ứng điều kiện thực hiện tự doanh đầu tư gián tiếp ra nước ngoài.

4. Hoạt động tự doanh đầu tư gián tiếp từ Trung tâm tài chính ra nước ngoài của ngân hàng thương mại 100% vốn trong nước là thành viên phải đảm bảo không được vượt quá 7% vốn tự có của ngân hàng thương mại 100% vốn trong nước đó, đồng thời đảm bảo tuân thủ các quy định hiện hành của Chương V Nghị định này.

5. Ngân hàng thương mại là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên tự cân đối nguồn vốn để thực hiện đầu tư gián tiếp ra nước ngoài trên cơ sở đảm bảo tuân thủ quy định tại Chương V Nghị định này.

### Điều 118. Ủy thác đầu tư gián tiếp ra nước ngoài

1. Nguyên tắc ủy thác đầu tư gián tiếp từ Trung tâm tài chính ra nước ngoài

a) Việc ủy thác đầu tư gián tiếp ra nước ngoài phải được lập thành hợp đồng ủy thác đầu tư, trong đó phải quy định rõ số tiền ủy thác, thời hạn ủy thác, công cụ đầu tư, quyền và nghĩa vụ của các bên phù hợp với quy định tại Nghị định này và quy định của pháp luật liên quan.

b) Đồng tiền sử dụng để ủy thác đầu tư gián tiếp ra nước ngoài là ngoại tệ, không được sử dụng đồng Việt Nam.

2. Điều kiện để thực hiện ủy thác đầu tư gián tiếp ra nước ngoài

a) Có lãi trong năm liền kề trước năm thực hiện ủy thác đầu tư gián tiếp ra nước ngoài được thể hiện trên báo cáo tài chính đã được kiểm toán độc lập và không có ý kiến ngoại trừ trọng yếu theo quy định hiện hành của Bộ Tài chính;

b) Không có nợ thuế với ngân sách nhà nước trong 01 năm liền trước năm thực hiện ủy thác đầu tư gián tiếp ra nước ngoài (trừ trường hợp năm đầu thành lập).

c) Có phương án đầu tư gián tiếp ra nước ngoài được cấp có thẩm quyền của ngân hàng thương mại là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên thông qua theo quy định của pháp luật.

### Điều 119. Nhận ủy thác đầu tư gián tiếp ra nước ngoài

1. Ngân hàng thương mại 100% vốn nước ngoài, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên không phải thực hiện các quy định về điều kiện để được nhận ủy thác đầu tư gián tiếp ra nước ngoài tại khoản 2 Điều này nhưng phải thực hiện các quy định về khai báo, công bố thông tin, mở tài khoản và chế độ báo cáo quy định tại Nghị định này.

2. Ngân hàng thương mại 100% vốn trong nước phải đáp ứng các điều kiện sau để được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Cục Quản lý giám sát TCTD) cấp giấy chứng nhận đăng ký nhận ủy thác đầu tư gián tiếp ra nước ngoài hoặc văn bản xác nhận đáp ứng điều kiện để được nhận ủy thác đầu tư gián tiếp ra nước ngoài:

a) Có lãi trong năm liền kề trước năm thực hiện nhận ủy thác đầu tư gián tiếp ra nước ngoài được thể hiện trên báo cáo tài chính đã được kiểm toán độc lập và không có ý kiến ngoại trừ trọng yếu theo quy định hiện hành của Bộ Tài chính;

b) Không có nợ thuế với ngân sách nhà nước trong 01 năm liền trước năm thực hiện đầu tư gián tiếp ra nước ngoài (trừ trường hợp năm đầu thành lập).

c) Tuân thủ quy định tại Nghị định này về các giới hạn, tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động tại Chương V Nghị định này.

3. Nguyên tắc nhận ủy thác đầu tư gián tiếp ra nước ngoài:

a) Hoạt động nhận ủy thác đầu tư gián tiếp từ Trung tâm tài chính ra nước ngoài phải được lập thành hợp đồng bằng văn bản, trong đó phải quy định rõ số tiền ủy thác, thời hạn ủy thác, công cụ đầu tư, quyền và nghĩa vụ của các bên phù hợp với quy định tại Nghị định này và quy định của pháp luật liên quan.

b) Ngân hàng thương mại là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên nhận ủy thác không được sử dụng vốn nhận ủy thác trái với mục đích, nội dung nhận ủy thác được quy định tại hợp đồng ủy thác đầu tư và quy định tại Nghị định này.

c) Ngân hàng thương mại là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên nhận ủy thác không được ủy thác lại cho bên thứ ba là thành viên; Ngân hàng thương mại là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên không được nhận ủy thác từ cá nhân, tổ chức trên lãnh thổ Việt Nam không là thành viên.

d) Ngân hàng thương mại là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên nhận ủy thác được hưởng phí ủy thác trên cơ sở thỏa thuận giữa các bên, phù hợp với quy định của pháp luật liên quan.

đ) Ngân hàng thương mại là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên nhận ủy thác có trách nhiệm kiểm tra, hướng dẫn tổ chức ủy thác thực hiện ủy thác đầu tư gián tiếp ra nước ngoài theo quy định tại Nghị định này.

4. Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quy định cụ thể về hồ sơ, trình tự, thủ tục cấp giấy chứng nhận đăng ký nhận ủy thác đầu tư gián tiếp ra nước ngoài hoặc văn bản xác nhận đáp ứng điều kiện thực hiện nhận ủy thác đầu tư gián tiếp ra nước ngoài.

## Mục 9

## QUẢN LÝ NGOẠI HỐI ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ TỪ TRUNG TÂM TÀI CHÍNH QUỐC TẾ VÀO PHẦN CÒN LẠI CỦA VIỆT NAM VÀ ĐẦU TƯ TỪ PHẦN CÒN LẠI CỦA VIỆT NAM VÀO TRUNG TÂM TÀI CHÍNH QUỐC TẾ

### Điều 120. Đầu tư từ Trung tâm tài chính quốc tế vào phần còn lại của Việt Nam

Thành viên và nhà đầu tư nước ngoài mở tài khoản thanh toán bằng ngoại tệ (tài khoản vốn, tài khoản chuyên dùng) tại ngân hàng thương mại là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên để thực hiện các giao dịch chuyển tiền liên quan đến hoạt động đầu tư từ Trung tâm tài chính quốc tế vào phần còn lại của Việt Nam theo quy định của Chính phủ về cơ chế đặc thù đối với thủ tục, điều kiện đầu tư.

### Điều 121. Đầu tư từ phần còn lại của Việt Nam vào Trung tâm tài chính quốc tế

Tổ chức trên lãnh thổ không là thành viên mở tài khoản thanh toán (tài khoản chuyên dùng) tại tổ chức tín dụng không là thành viên để thực hiện các giao dịch chuyển tiền liên quan đến hoạt động đầu tư từ phần còn lại của Việt Nam vào Trung tâm tài chính quốc tế theo quy định của Chính phủ về cơ chế đặc thù đối với thủ tục, điều kiện đầu tư.

## Mục 10

## CHẾ ĐỘ BÁO CÁO

### Điều 122. Chế độ báo cáo đối với hoạt động vay, cho vay của Thành viên

Thành viên có trách nhiệm báo cáo cơ quan có thẩm quyền về tình hình thực hiện khoản vay, cho vay của thành viên với cá nhân, tổ chức ngoài lãnh thổ Việt Nam và với tổ chức trên lãnh thổ Việt Nam không là thành viên.

### Điều 123. Chế độ báo cáo đối với hoạt động đầu tư nước ngoài của thành viên

1. Thành viên có trách nhiệm báo cáo cơ quan có thẩm quyền về:

a) Tình hình thực hiện các giao dịch chuyển tiền liên quan đến hoạt động đầu tư trực tiếp, đầu tư gián tiếp từ Trung tâm tài chính quốc tế ra nước ngoài;

b) Tình hình thực hiện giao dịch chuyển tiền liên quan đến hoạt động đầu tư từ Trung tâm tài chính quốc tế vào phần còn lại của Việt Nam;

2. Ngân hàng thương mại là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên có trách nhiệm báo cáo cơ quan có thẩm quyền về:

a) Tình hình thực hiện giao dịch chuyển tiền trên tài khoản thanh toán bằng ngoại tệ của nhà đầu tư nước ngoài liên quan đến hoạt động đầu tư nước ngoài vào Trung tâm tài chính quốc tế, chuyển vốn, lợi nhuận và nguồn thu hợp pháp từ Trung tâm tài chính quốc tế ra nước ngoài và hoạt động đầu tư từ Trung tâm tài chính quốc tế vào phần còn lại của Việt Nam.

b) Tình hình thực hiện các giao dịch chuyển tiền trên tài khoản vốn của thành viên liên quan đến hoạt động đầu tư từ Trung tâm tài chính quốc tế ra nước ngoài.

c) Tình hình thực hiện các giao dịch chuyển tiền trên tài khoản thanh toán bằng ngoại tệ (tài khoản vốn) của thành viên liên quan đến hoạt động đầu tư từ Trung tâm tài chính quốc tế vào phần còn lại của Việt Nam.

### 3. Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định chi tiết thi hành Điều này.

## Mục 11

## TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN VÀ CƠ CHẾ KIỂM TRA, GIÁM SÁT

### Điều 124. Kiểm tra chứng từ

Ngân hàng thương mại là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên khi thực hiện các giao dịch ngoại hối cho khách hàng có trách nhiệm xem xét, kiểm tra, lưu giữ các giấy tờ và các chứng từ phù hợp với các giao dịch thực tế để đảm bảo việc cung ứng các dịch vụ ngoại hối được thực hiện đúng mục đích và phù hợp với quy định của pháp luật; Xây dựng và tự chịu trách nhiệm về nội dung của quy định nội bộ về quy trình nghiệp vụ, quy trình quản lý rủi ro đối với hoạt động ngoại hối.

### Điều 125. Trách nhiệm và quyền hạn của thành viên trong hoạt động ngoại hối tại Trung tâm tài chính

1. Quyền và nghĩa vụ về thông tin, báo cáo của ngân hàng thương mại là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên:

a) Báo cáo các thông tin, số liệu liên quan đến ngoại hối và hoạt động ngoại hối theo đúng thời hạn quy định tại các văn bản pháp luật hiện hành liên quan đến hoạt động ngoại hối;

### b) Yêu cầu khách hàng cung cấp thông tin nhằm phục vụ việc thu thập số liệu, thông tin liên quan đến ngoại hối và hoạt động ngoại hối;

c) Giữ bí mật và chịu trách nhiệm về các thông tin thuộc danh mục bí mật của ngành ngân hàng.

2. Quyền và nghĩa vụ về thông tin, báo cáo của tổ chức và cá nhân:

a) Cá nhân, tổ chức tham gia hoạt động ngoại hối có nghĩa vụ cung cấp các thông tin, số liệu theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền, ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài theo thời hạn theo quy định hiện hành về hoạt động ngoại hối;

b) Cá nhân, tổ chức có quyền yêu cầu ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cung cấp các thông tin hướng dẫn để thực hiện đúng các chính sách về quản lý ngoại hối.

3.Thành viên tự chịu trách nhiệm về các giao dịch chuyển tiền liên quan đến hoạt động đầu tư từ Trung tâm tài chính quốc tế ra nước ngoài, trong Trung tâm tài chính quốc tế, từ Trung tâm tài chính quốc tế vào phần còn lại của Việt Nam. Tổ chức không là thành viên tự chịu trách nhiệm về các giao dịch chuyển tiền liên quan đến hoạt động đầu tư từ phần còn lại của Việt Nam vào Trung tâm tài chính quốc tế.

Chính phủ không chịu trách nhiệm đối với việc thực hiện các giao dịch đầu tư từ Trung tâm tài chính quốc tế ra nước ngoài, trong Trung tâm tài chính quốc tế và từ Trung tâm tài chính quốc tế vào phần còn lại của Việt Nam của Thành viên và từ phần còn lại Việt Nam vào Trung tâm tài chính quốc tế của tổ chức không là thành viên.

4. Thành viên tự chịu trách nhiệm vay, trả nợ, cho vay, thu hồi nợ với cá nhân, tổ chức ngoài lãnh thổ Việt Nam và cho vay, thu hồi nợ với tổ chức trên lãnh thổ Việt Nam không phải thành viên. Chính phủ không chịu trách nhiệm đối với việc thực hiện các giao dịch vay, trả nợ, cho vay, thu hồi nợ của thành viên.

### Điều 126. Trách nhiệm của Cơ quan giám sát Trung tâm tài chính quốc tế

1. Cơ quan giám sát Trung tâm tài chính quốc tế có trách nhiệm thanh tra, kiểm tra, giám sát, xử lý vi phạm trong trường hợp Thành viên không tuân thủ các quy định về chế độ khai báo, báo cáo, thực hiện thủ tục hành chính quy định tại Chương này.

2. Cơ quan giám sát Trung tâm Tài chính quốc tế có trách nhiệm gửi báo cáo tổng hợp tình hình thực hiện các khoản vay, cho vay, đầu tư của Thành viên theo quy định tại Nghị định này cho Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (Cục Quản lý ngoại hối và Vụ Dự báo Thống kê - Ổn định tiền tệ) theo định kỳ hàng tuần.

# Chương X

# PHÒNG, CHỐNG RỬA TIỀN, TÀI TRỢ KHỦNG BỐ, TÀI TRỢ PHỔ BIẾN VŨ KHÍ HỦY DIỆT HÀNG LOẠT

### Điều 127. Áp dụng các quy định pháp luật về phòng, chống rửa tiền, tài trợ khủng bố và tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt

1. Đối tượng báo cáo tại Trung tâm tài chính, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động của Trung tâm tài chính không được thực hiện các hành vi cấm theo quy định tại Điều 8 Luật Phòng, chống rửa tiền, Điều 6 Luật Phòng, chống khủng bố.

2. Đối tượng báo cáo tại Trung tâm tài chính thực hiện các biện pháp phòng, chống rửa tiền, tài trợ khủng bố, tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt theo nghĩa vụ của đối tượng báo cáo quy định tại Luật Phòng, chống rửa tiền, Luật Phòng, chống khủng bố và các văn bản hướng dẫn các Luật này; pháp luật về phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt gồm:

a) Nhận biết khách hàng, thu thập, cập nhật, xác minh thông tin nhận biết khách hàng; Đánh giá rủi ro về rửa tiền, tài trợ khủng bố, tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt của đối tượng báo cáo; Phân loại khách hàng theo mức độ rủi ro về rửa tiền, tài trợ khủng bố, tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt; Trách nhiệm của đối tượng báo cáo liên quan đến cá nhân nước ngoài có ảnh hưởng chính trị; Quan hệ ngân hàng đại lý; Trách nhiệm của đối tượng báo cáo đối với sản phẩm, dịch vụ mới; sản phẩm, dịch vụ hiện có áp dụng công nghệ đổi mới; Giám sát một số giao dịch đặc biệt; trách nhiệm xây dựng quy định nội bộ; báo cáo, cung cấp, lưu trữ và đảm bảo bí mật thông tin, hồ sơ, tài liệu, báo cáo về phòng, chống rửa tiền, tài trợ khủng bố, tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt theo quy định tại các điều từ Điều 9 đến Điều 40, Điều 64 và Điều 65 của Luật Phòng, chống rửa tiền.

b) Áp dụng biện pháp trì hoãn giao dịch, phong tỏa tài khoản, niêm phong, phong tỏa hoặc tạm giữ tài sản theo quy định tại điều 44 và Điều 45 của Luật Phòng, chống rửa tiền.

c) Cập nhật Danh sách Đen; Báo cáo khách hàng, giao dịch của khách hàng liên quan đến tài trợ khủng bố, tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt hoặc khách hàng nằm trong Danh sách đen và thực hiện tạm ngừng lưu thông, phong tỏa, niêm phong, tạm giữ và xử lý tiền, tài sản liên quan đến khủng bố, tài trợ khủng bố, phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt, tài trợ bổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt theo quy định tại Luật Phòng, chống khủng bố và pháp luật về phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt.

3. Đối với các biện pháp phòng, chống rửa tiền, tài trợ khủng bố, tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt mà pháp luật Việt Nam chưa có quy định, đối tượng báo cáo tại Trung tâm tài chính có thể thực hiện theo quy định pháp luật của quốc gia nguyên xứ, đảm bảo không trái quy định của pháp luật Việt Nam.

4. Việc báo cáo giao dịch chuyển tiền điện tử của các đối tượng báo cáo tại Trung tâm tài chính áp dụng theo chế độ báo cáo giao dịch chuyển tiền điện tử quốc tế.

5. Cơ quan đăng ký kinh doanh, cơ quan cấp phép thành lập, hoạt động cho pháp nhân và các pháp nhân thành lập tại Trung tâm tài chính tuân thủ quy định về minh bạch thông tin của pháp nhân tại Điều 21 Luật Phòng, chống rửa tiền và Luật Doanh nghiệp.

6. Bên nhận ủy thác trong thỏa thuận pháp lý tại Trung tâm tài chính tuân thủ quy định về minh bạch thông tin của thỏa thuận pháp lý tại Điều 22 Luật Phòng, chống rửa tiền.

7. Tổ chức phi lợi nhuận được cấp phép thành lập và hoạt động tại Trung tâm tài chính tuân thủ quy định về minh bạch thông tin của pháp nhân tại Điều 23 Luật Phòng, chống rửa tiền.

8. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mìnhđược quyền yêu cầu và tổ chức, cá nhân có liên quan tại Trung tâm tài chính có trách nhiệm cung cấp cho Ngân hàng Nhà nước Việt Nam thông tin, hồ sơ, tài liệu cần thiết để thực hiện phân tích, chuyển giao thông tin và hợp tác quốc tế về phòng, chống rửa tiền, tài trợ khủng bố, tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt theo quy định tại Điều 41 Luật Phòng, chống rửa tiền, Luật Phòng, chống khủng bố và pháp luật về phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt.

9. Cơ quan nhà nước tại Trung tâm tài chính có trách nhiệm thực hiện chế độ bảo mật thông tin theo quy định tại Điều 63 Luật Phòng, chống rửa tiền.

### Điều 128. Quản lý nhà nước về phòng, chống rửa tiền, tài trợ khủng bố, tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt tại Trung tâm tài chính

1. Cơ quan giám sát Trung tâm tài chính chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan triển khai công tác phòng, chống rửa tiền, tài trợ khủng bố, tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt tại Trung tâm tài chính đối với lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý, cấp phép, gồm:

a) Chủ trì, phối hợp với Ngân hàng Nhà nước, Bộ Công an, Bộ Quốc phòng phổ biến, giáo dục pháp luật về phòng, chống rửa tiền, tài trợ khủng bố, tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt, truyền thông về chủ trương, chính sách, pháp luật về phòng, chống rửa tiền, triển khai công tác đào tạo về phòng, chống rửa tiền, tài trợ khủng bố, tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt tại Trung tâm tài chính;

b) Thanh tra, kiểm tra, giám sát hoạt động phòng, chống rửa tiền, tài trợ khủng bố, tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt đối với đối tượng báo cáo thuộc phạm vi quản lý, cấp phép tại Trung tâm tài chính; trao đổi, chia sẻ kết quả với Ngân hàng Nhà nước, Bộ Công an, Bộ Quốc phòng và các bộ, ngành có liên quan về kết quả thanh tra, kiểm tra, giám sát hoạt động phòng, chống rửa tiền, tài trợ khủng bố, tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt;

c) Phối hợp với Ngân hàng Nhà nước Việt Nam thực hiện đánh giá rủi ro quốc gia về rửa tiền quy định tại khoản 1 Điều 7 của Luật Phòng, chống rửa tiền; Phổ biến kết quả đánh giá rủi ro quốc gia về rửa tiền tại Trung tâm tài chính; có biện pháp nhằm giảm thiểu rủi ro đã xác định tại Trung tâm tài chính; thực hiện đánh giá, cập nhật rủi ro về rửa tiền tại Trung tâm tài chính gửi Ngân hàng Nhà nước Việt Nam theo quy định tại khoản 2 Điều 7 của Luật Phòng, chống rửa tiền;

d) Phối hợp với Bộ Công an, Bộ Quốc phòng thực hiện đánh giá rủi ro quốc gia về tài trợ khủng bố, tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt tại Trung tâm tài chính;

đ) Phối hợp với Ngân hàng Nhà nước Việt Nam tổng hợp thông tin, hằng năm báo cáo Chính phủ về công tác phòng, chống rửa tiền tại Trung tâm tài chính; Phối hợp với Bộ Công an, Bộ Quốc phòng thực hiện chế độ báo cáo, tổng kết về công tác phòng, chống khủng bố, phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt, kiến nghị, đề xuất giải pháp liên quan đến phòng, chống khủng bố, phòng, chống phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt tại Trung tâm tài chính;

2. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam có trách nhiệm:

a) Xây dựng và trình cấp có thẩm quyền ban hành hoặc ban hành theo thẩm quyền các văn bản quy phạm pháp luật, kế hoạch về phòng, chống rửa tiền tại Trung tâm tài chính;

b) Tiếp nhận thông tin, báo cáo giao dịch đáng ngờ liên quan đến rửa tiền, tài trợ khủng bố và tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt, báo cáo giao dịch chuyển tiền điện tử, báo cáo giao dịch có giá trị lớn phải báo cáo từ đối tượng báo cáo tại Trung tâm tài chính;

c) Giám sát đối tượng báo cáo tại Trung tâm tài chính trong việc thực hiện các báo cáo giao dịch có giá trị lớn phải báo cáo, giao dịch đáng ngờ, Giao dịch chuyển tiền điện tử quy định tại các điều 25, 26 và 34 của Luật Phòng, chống rửa tiền; phối hợp cung cấp thông tin giám sát cho Cơ quan giám sát Trung tâm tài chính để phục vụ công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát tại Trung tâm tài chính;

d) Phối hợp với Cơ quan giám sát Trung tâm tài chínhphổ biến, giáo dục pháp luật về phòng, chống rửa tiền, truyền thông về chủ trương, chính sách, pháp luật về phòng, chống rửa tiền, triển khai công tác đào tạo về phòng, chống rửa tiền tại Trung tâm tài chính;

đ) Chủ trì phối hợp với Cơ quan giám sát Trung tâm tài chính và các bộ, ngành có liên quantổng hợp thông tin, hằng năm báo cáo Chính phủ về công tác phòng, chống rửa tiền tại Việt Nam (bao gồm công tác phòng, chống rửa tiền tại Trung tâm tài chính).

3. Bộ Công an có trách nhiệm:

a) Xây dựng và trình cấp có thẩm quyền ban hành hoặc ban hành theo thẩm quyền các văn bản quy phạm pháp luật, kế hoạch về phòng, chống khủng bố, tài trợ khủng bố tại Trung tâm tài chính;

b) Thu thập, tiếp nhận, xử lý thông tin đấu tranh phòng, chống tội phạm rửa tiền, tài trợ khủng bố tại Trung tâm tài chính;

c) Chủ trì, phối hợp với cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan trong phòng ngừa, phát hiện, điều tra và xử lý tội phạm về rửa tiền, tài trợ khủng bố tại Trung tâm tài chính;

d) Phối hợp với Cơ quan giám sát Trung tâm tài chínhphổ biến, giáo dục pháp luật về phòng, chống khủng bố, tài trợ khủng bố, truyền thông về chủ trương, chính sách, pháp luật về phòng, chống khủng bố, tài trợ khủng bố, triển khai công tác đào tạo về phòng, chống khủng bố, tài trợ khủng bố tại Trung tâm tài chính; thanh tra, kiểm tra phòng, chống tài trợ khủng bố tại Trung tâm tài chính.

4. Bộ Quốc phòng có trách nhiệm:

a) Xây dựng và trình cấp có thẩm quyền ban hành hoặc ban hành theo thẩm quyền các văn bản quy phạm pháp luật, kế hoạch về phòng, chống phổ biến, tài trợ tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt tại Trung tâm tài chính;

b) Phối hợp với Cơ quan giám sát Trung tâm tài chínhphổ biến, giáo dục pháp luật về phòng, chống phổ biến, tài trợ tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt, truyền thông về chủ trương, chính sách, pháp luật về phòng, chống phổ biến, tài trợ tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt, triển khai công tác đào tạo về phòng, chống phổ biến, tài trợ tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt tại Trung tâm tài chính; thanh tra, kiểm tra phòng, chống tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt tại Trung tâm tài chính;

5. Viện kiểm sát nhân dân, Tòa án nhân dân trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình xử lý kịp thời, nghiêm minh hành vi phạm tội rửa tiền, tài trợ khủng bố tại Trung tâm tài chính.

6. Các, bộ ngành khác trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình phối hợp với Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng, Cơ quan điều hành và Cơ quan giám sát Trung tâm tài chính thực hiện quản lý nhà nước về phòng, chống rửa tiền, tài trợ khủng bố, tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt tại Trung tâm tài chính quốc tế trên địa bàn theo quy định tại Nghị định này và pháp luật phòng, chống rửa tiền, tài trợ khủng bố, tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt.

### Điều 129. Xử lý vi phạm trong công tác phòng, chống rửa tiền, tài trợ khủng bố, tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt tại Trung tâm tài chính

Tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm quy định pháp luật về phòng, chống rửa tiền, tài trợ khủng bố và tài trợ phổ biến vũ khí hủy diệt hàng loạt trong quá trình hoạt động tại Trung tâm tài chính, tùy theo tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi vi phạm có thể bị xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trong các lĩnh vực liên quan hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của Bộ luật Hình sự.

# Chương XI

# QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ THANH TRA NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI LÀ THÀNH VIÊN, CHI NHÁNH NGÂN HÀNG NƯỚC NGOÀI LÀ THÀNH VIÊN

### Điều 130. Trách nhiệm thanh tra ngân hàng thương mại là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên

1. Các cơ quan có thẩm quyền thực hiện công tác thanh tra bao gồm: Cơ quan giám sát Trung tâm tài chính hoặc cơ quan thanh tra được thành lập để thực hiện nhiệm vụ thanh tra các ngân hàng thương mại là thành viên và chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên; Cơ quan thanh tra trong Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; Thanh tra Chính phủ.

2. Cơ quan giám sát Trung tâm tài chính hoặc cơ quan thanh tra được thành lập để thực hiện nhiệm vụ thanh tra các ngân hàng thương mại là thành viên và chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên tổ chức thực hiện các cuộc thanh tra theo kế hoạch và thanh tra đột xuất khi phát hiện dấu hiệu vi phạm hoặc rủi ro trong hoạt động của các ngân hàng thương mại là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên.

3. Cơ quan giám sát Trung tâm tài chính hoặc cơ quan thanh tra được thành lập để thực hiện nhiệm vụ thanh tra các ngân hàng thương mại là thành viên và chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên trong Trung tâm tài chính chủ trì, phối hợp với các cơ quan thanh tra có thẩm quyền theo quy định pháp luật trong công tác thanh tra hoạt động của các ngân hàng thương mại là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên khi cần thiết.

4. Thanh tra Chính phủ, Cơ quan thanh tra trong Ngân hàng Nhà nước Việt Nam thực hiện thanh tra đối với các ngân hàng thương mại là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên trong Trung tâm tài chính trong trường hợp có chỉ đạo của cấp có thẩm quyền.

5. Cơ quan giám sát Trung tâm tài chính xây dựng và trình cấp có thẩm quyền ban hành quy trình, thủ tục thanh tra đối với các ngân hàng thương mại là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên trong Trung tâm tài chính (nếu cần thiết).

6. Trong 05 năm đầu kể từ ngày có Quyết định thành lập Trung tâm tài chính, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chủ trì, phối hợp với Cơ quan giám sát Trung tâm tài chính hoặc cơ quan thanh tra được thành lập để thực hiện nhiệm vụ thanh tra các ngân hàng thương mại là thành viên và chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên trong Trung tâm tài chính thực hiện thanh tra, xử lý vi phạm đối với hoạt động ngân hàng, quản lý ngoại hối, phòng, chống rửa tiền theo chức năng, nhiệm vụ được giao hoặc theo kiến nghị của Cơ quan giám sát Trung tâm tài chính. Từ năm thứ 06 trở đi (05 năm sau khi thành lập Trung tâm tài chính quốc tế), thẩm quyền thực hiện thanh tra đối với các ngân hàng thương mại là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên trong Trung tâm tài chính thực hiện theo quy định tại khoản 2, khoản 3 và khoản 4 Điều này

### Điều 131. Nguyên tắc chung về hoạt động thanh tra các ngân hàng thương mại là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên

1. Tuân theo pháp luật, dân chủ, công khai, khách quan, kịp thời, chính xác; không làm cản trở hoạt động bình thường của đối tượng thanh tra và cơ quan, tổ chức, cá nhân khác.

2. Không trùng lặp về phạm vi, thời gian giữa các cơ quan thanh tra, giữa cơ quan thanh tra với cơ quan kiểm toán nhà nước, không trùng lặp trong việc thực hiện quyền khi tiến hành thanh tra.

3. Tuân thủ quy định của pháp luật hiện hành về hoạt động thanh tra.

### Điều 132. Nội dung thanh tra ngân hàng thương mại là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên

Thanh tra việc chấp hành pháp luật về tiền tệ và ngân hàng theo Nghị quyết về Trung tâm tài chính, Nghị định này và các văn bản hướng dẫn, thông lệ quốc tế, quy định khác của pháp luật Việt Nam có liên quan, việc thực hiện các quy định trong giấy phép thành lập và hoạt động.

### Điều 133. Biện pháp xử lý vi phạm trong công tác thanh tra ngân hàng thương mại là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên

1. Kiến nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung, huỷ bỏ hoặc ban hành văn bản quy phạm pháp luật đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước về tiền tệ và ngân hàng.

2. Kiến nghị, yêu cầu ngân hàng thương mại là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên trong Trung tâm tài chính có biện pháp hạn chế, giảm thiểu và xử lý rủi ro để bảo đảm an toàn hoạt động ngân hàng và phòng ngừa, ngăn chặn hành động dẫn đến vi phạm pháp luật.

3. Phát hiện, ngăn chặn và xử lý theo thẩm quyền; kiến nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý vi phạm pháp luật về tiền tệ và ngân hàng.

4. Xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật hoặc chuyển hồ sơ cho cơ quan điều tra có thẩm quyền xem xét, xử lý theo quy định pháp luật trong trường hợp có dấu hiệu tội phạm.

5. Áp dụng các biện pháp xử lý khác theo quy định của pháp luật.

# Chương XII

# QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ GIÁM SÁT NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI LÀ THÀNH VIÊN, CHI NHÁNH NGÂN HÀNG NƯỚC NGOÀI LÀ THÀNH VIÊN

### Điều 134. Giám sát ngân hàng tại Trung tâm tài chính

Giám sát ngân hàng tại Trung tâm tài chính là việc Cơ quan có thẩm quyền thực hiện thu thập, tổng hợp, phân tích thông tin về đối tượng giám sát ngân hàng tại Trung tâm tài chính thông qua hệ thống thông tin, báo cáo nhằm phòng ngừa, phát hiện, ngăn chặn và xử lý kịp thời rủi ro gây mất an toàn hoạt động ngân hàng, vi phạm quy định an toàn hoạt động ngân hàng và các quy định khác của pháp luật có liên quan áp dụng đối với các đối tượng giám sát ngân hàng tại Trung tâm tài chính.

### Điều 135. Nguyên tắc chung về hoạt động giám sát các ngân hàng thương mại là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên

1. Giám sát phải tuân theo pháp luật áp dụng đối với ngân hàng thương mại là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên; bảo đảm chính xác, khách quan, trung thực, công khai, dân chủ, kịp thời; không làm cản trở hoạt động bình thường của cơ quan, tổ chức, cá nhân là đối tượng giám sát ngân hàng tại Trung tâm tài chính.

2. Giám sát ngân hàng tại Trung tâm tài chính được tiến hành thường xuyên, liên tục trên toàn bộ hoạt động của đối tượng giám sát ngân hàng tại Trung tâm tài chính.

3. Thủ trưởng cơ quan có thẩm quyền quy định trình tự, thủ tục giám sát ngân hàng trong Trung tâm tài chính.

### Điều 136. Cơ quan có thẩm quyền giám sát ngân hàng tại Trung tâm tài chính

**Phương án 1: Ngân hàng Nhà nước thực hiện trong 05 năm đầu**

Các cơ quan có thẩm quyền thực hiện giám sát ngân hàng tại Trung tâm tài chính bao gồm: Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Cơ quan Điều hành Trung tâm tài chính, Cơ quan Giám sát Trung tâm tài chính.

- Ngân hàng Nhà nước Việt Nam thực hiện giám sát ngân hàng tại Trung tâm tài chính trong thời gian 05 năm đầu kể từ ngày thành lập Trung tâm tài chính.

- Trong vòng 06 tháng trước khi kết thúc 05 năm đầu, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam trình Thủ tướng Chính phủ ban hành quyết định chuyển giao nhiệm vụ cho Cơ quan Điều hành và Cơ quan giám sát Trung tâm tài chính thực hiện giám sát ngân hàng tại Trung tâm tài chính.

**Phương án 2: Cơ quan Giám sát trung tâm tài chính thực hiện từ đầu.**

Cơ quan có thẩm quyền thực hiện giám sát ngân hàng tại Trung tâm tài chính bao gồm: Cơ quan Điều hành Trung tâm tài chính, Cơ quan Giám sát Trung tâm tài chính.

### Điều 137. Đối tượng giám sát ngân hàng tại Trung tâm tài chính

Đối tượng giám sát ngân hàng tại Trung tâm tài chính là thành viên của Trung tâm tài chính bao gồm: ngân hàng thương mại 100% vốn trong nước, ngân hàng thương mại 100% vốn nước ngoài và chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

### Điều 138. Quyền, nghĩa vụ đối tượng giám sát ngân hàng tại Trung tâm tài chính

1. Cung cấp kịp thời, đầy đủ, chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền giám sát ngân hàng; chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của thông tin, tài liệu đã cung cấp.

2. Bảo đảm khả năng kết nối, truy cập dữ liệu trực tuyến phục vụ hoạt động giám sát ngân hàng của cơ quan có thẩm quyền giám sát ngân hàng.

3. Báo cáo, giải trình đối với khuyến nghị, cảnh báo rủi ro và an toàn hoạt động của cơ quan có thẩm quyền giám sát ngân hàng.

4. Thực hiện khuyến nghị, cảnh báo rủi ro và an toàn hoạt động của cơ quan có thẩm quyền giám sát ngân hàng.

5. Quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

### Điều 139. Nội dung giám sát ngân hàng tại Trung tâm tài chính

1. Thu thập, tổng hợp và xử lý tài liệu, thông tin, dữ liệu theo yêu cầu giám sát ngân hàng tại Trung tâm tài chính.

2. Xem xét, theo dõi tình hình chấp hành các quy định về an toàn hoạt động ngân hàng và các quy định khác của pháp luật về tiền tệ và ngân hàng tại Trung tâm tài chính; việc thực hiện khuyến nghị, cảnh báo về giám sát ngân hàng.

3. Phân tích, đánh giá tình hình tài chính, hoạt động, quản trị, điều hành và mức độ rủi ro của ngân hàng thương mại là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên; xếp hạng các ngân hàng thương mại là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên hằng năm.

4. Phát hiện, cảnh báo rủi ro gây mất an toàn hoạt động ngân hàng và nguy cơ dẫn đến vi phạm pháp luật về tiền tệ và ngân hàng.

5. Kiến nghị, đề xuất biện pháp phòng ngừa, ngăn chặn và xử lý rủi ro, vi phạm pháp luật.

### Điều 140. Xử lý đối tượng giám sát ngân hàng tại Trung tâm tài chính

1. Căn cứ vào kết quả giám sát, cơ quan có thẩm quyền giám sát ngân hàng thực hiện cảnh báo, khuyến nghị đối với các ngân hàng thương mại là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên là đối tượng giám sát; tùy theo mức độ an toàn, lành mạnh và vi phạm pháp luật của đối tượng giám sát ngân hàng, cơ quan có thẩm quyền giám sát ngân hàng:

a) Xử phạt vi phạm hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự, nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật (nếu có);

b) Tiến hành thanh tra, kiểm tra đối tượng giám sát ngân hàng khi phát hiện có dấu hiệu vi phạm pháp luật, dấu hiệu rủi ro, không an toàn trong hoạt động;

c) Sửa đổi, bổ sung, thay thế văn bản quy phạm pháp luật về tiền tệ, ngân hàng hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung, thay thế văn bản quy phạm pháp luật về tiền tệ, ngân hàng (nếu có) tại Trung tâm tài chính;

d) Các biện pháp xử lý khác theo quy định của pháp luật.

2. Trường hợp cần thiết, để đánh giá đầy đủ thực trạng hoạt động của đối tượng giám sát ngân hàng, cơ quan có thẩm quyền giám sát tại Trung tâm tài chính yêu cầu đối tượng giám sát thuê tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán một, một số hoặc tất cả các nội dung hoạt động theo quy định pháp luật.

### Điều 141. Phối hợp trong giám sát ngân hàng tại Trung tâm tài chính

1. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Cơ quan Điều hành Trung tâm tài chính và Cơ quan giám sát Trung tâm tài chính phối hợp chặt chẽ trong thực hiện nhiệm vụ giám sát hoạt động của ngân hàng thương mại là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên. Thống đốc Ngân hàng Nhà nước xây dựng cơ chế phối hợp công tác, trao đổi thông tin giữa Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và Cơ quan giám sát Trung tâm tài chính về các đối tượng giám sát ngân hàng tại Trung tâm tài chính.

2. Cơ quan có thẩm quyền giám sát ngân hàng phối hợp với bộ, cơ quan ngang bộ có liên quan để trao đổi thông tin về hoạt động giám sát trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng thuộc thẩm quyền quản lý.

3. Cơ quan có thẩm quyền giám sát ngân hàng trao đổi thông tin và phối hợp với cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài trong việc giám sát hoạt động của ngân hàng thương mại là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên. Cơ quan có thẩm quyền giám sát ngân hàng thoả thuận với cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài về hình thức, nội dung, cơ chế trao đổi thông tin và phối hợp giám sát phù hợp vói quy định của pháp luật Việt Nam.

4. Cơ quan có thẩm quyền giám sát ngân hàng trao đổi thông tin và phối hợp với Uỷ ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh và Uỷ ban nhân dân thành phố Đà Nẵng trong việc thực hiện nhiệm vụ giám sát ngân hàng và nhiệm vụ quản lý nhà nước tại Trung tâm tài chính trên địa bàn.

# Chương XIII

# QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC

### Điều 142. Trách nhiệm của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam

1. Ngân hàng Nhà nước không thực hiện cho vay đặc biệt, các nghiệp vụ ngân hàng trung ương như quy định tại Luật Các tổ chức tín dụng bao gồm: tái cấp vốn, dự trữ bắt buộc, nghiệp vụ thị trường mở, mua bán ngoại tệ đối với các ngân hàng thương mại và chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên trung tâm tài chính quốc tế.

2. Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành, cơ quan liên quan để thực hiện chức năng quản lý nhà nước tại Điều 126, Điều 128, Chương XI và Chương XII tại Nghị định này.

### Điều 143. Trách nhiệm của Bộ Tài chính

1. Quản lý nhà nước trong hoạt động về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

2. Đầu mối hướng dẫn về chính sách tài chính, kế toán của ngân hàng thương mại là thành viên, chi nhánh ngân hàng thương mại là thành viên.

### Điều 144. Trách nhiệm của Bộ Công An

Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành, cơ quan liên quan để thực hiện chức năng quản lý nhà nước tại Điều 128 tại Nghị định này.

### Điều 145. Trách nhiệm của Bộ Quốc phòng

Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành, cơ quan liên quan để thực hiện chức năng quản lý nhà nước tại Điều 128 tại Nghị định này.

### Điều 146. Trách nhiệm của Viện kiểm sát nhân dân, Tòa án nhân dân

Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành, cơ quan liên quan để thực hiện chức năng quản lý nhà nước tại Điều 128 tại Nghị định này.

### Điều 147. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và thành phố Đà Nẵng

Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành, cơ quan liên quan để thực hiện chức năng quản lý nhà nước tại Điều 128 và Chương XII tại Nghị định này.

### Điều 148. Trách nhiệm của Bộ, cơ quan ngang Bộ

Trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, có trách nhiệm quản lý nhà nước đối với ngân hàng thương mại là thành viên, chi nhánh ngân hàng nước ngoài là thành viên theo quy định của pháp luật.

# Chương XIV

# ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

### Điều 149. Hiệu lực thi hành

Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 9 năm 2025.

### Điều 150. Trách nhiệm thi hành

1. Thống đốc Ngân hàng Nhà nước chịu trách nhiệm tổ chức thi hành Nghị định này.

2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đà Nẵng, Cơ quan, tổ chức thuộc Trung tâm tài chính trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ của mình chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** - Ban Bí thư Trung ương Đảng; - Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ; - Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ; - HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; - Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng; - Văn phòng Tổng Bí thư; - Văn phòng Chủ tịch nước; - Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội; - Văn phòng Quốc hội; - Tòa án nhân dân tối cao; - Viện kiểm sát nhân dân tối cao; - Kiểm toán Nhà nước; - Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia; - Ngân hàng Chính sách xã hội; - Ngân hàng Phát triển Việt Nam; - Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; - Cơ quan trung ương của các đoàn thể; - VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo; - Lưu: VT, KTTH (2). | **TM. CHÍNH PHỦ** |  |